

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN+

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/06/2016, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 05/04/2021)

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 06/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 04 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2022 tại:

1. Tổ chức phát hành:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**

Trụ sở chính : Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại : 0862750808

Website : [www.greenplus.group](http://www.greenplus.group)

2. Đại lý phân phối:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

Trụ sở chính : Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3823 3299/(028) 3829 3826 Fax: (028) 3823 3301

Website : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

CN Hà Nội : Tầng 2, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3933 4693 Fax: (024) 3933 4822

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Bà Đặng Bích Hồng

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : 0862750808

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN+**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/06/2016, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 05/04/2021)*

**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG**

<b>Tên cổ phiếu</b>	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
<b>Loại cổ phiếu</b>	: Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Giá chào bán</b>	: 16.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng cổ phiếu chào bán</b>	: 9.600.000 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá</b>	: 96.000.000.000 đồng

**ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:****Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

**Trụ sở chính** : Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** : (028) 3823 3299/(028) 3829 3826 Fax: (028) 3823 3301  
**Website** : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**CN Hà Nội** : Tầng 2, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**Điện thoại** : (024) 3933 4693 Fax: (024) 3933 4822

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

**Trụ sở chính** : Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.  
**Điện thoại** : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250  
**Website** : [www.ey.com](http://www.ey.com)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:****Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

**Trụ sở chính** : Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** : (028) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (028) 3823 3301  
**Website** : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)  
**CN Hà Nội** : Tầng 2, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**Điện thoại** : (024) 3933 4693 Fax: (024) 3933 4822

## MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	10
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> 10	
1. Tổ chức phát hành – Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ .....	10
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh .....	10
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	11
1. Rủi ro về kinh tế .....	11
1.1. Lạm phát .....	12
1.2. Lãi suất .....	13
1.3. Tỷ giá .....	14
2. Rủi ro về luật pháp.....	15
3. Rủi ro đặc thù .....	15
3.1. Rủi ro biến động giá của các yếu tố đầu vào.....	15
3.2. Rủi ro ngành.....	15
3.3. Rủi ro hàng giá, hàng nhái .....	16
4. Rủi ro về đợt chào bán .....	16
5. Rủi ro pha loãng .....	17
6. Rủi ro quản trị công ty .....	17
7. Rủi ro khác .....	18
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	19
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> .....	21
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành .....	21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành .....	22
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành .....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành .....	24
4.1. Đại hội đồng cổ đông .....	25
4.2. Hội đồng quản trị .....	25
4.3. Ban Kiểm soát .....	25
4.4. Ban Tổng Giám đốc.....	26
4.5. Các phòng ban chức năng .....	26
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại): .....	29

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:.....	31
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại) .....	36
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành (tại thời điểm 01/05/2021):.....	37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	38
<b>10. Hoạt động kinh doanh</b> .....	<b>40</b>
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	40
10.2. Tài sản.....	52
10.3. Thị trường hoạt động.....	55
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	55
10.5. Các hợp đồng lớn.....	56
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	59
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành.....	60
10.8. Hoạt động Marketing.....	64
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	65
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	65
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	67
11. Chính sách đối với người lao động.....	69
12. Chính sách cổ tức.....	72
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	73
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....	73
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	73
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH</b> .....	<b>73</b>
<b>1. Kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	<b>73</b>
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	73
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.....	75
<b>2. Tình hình tài chính</b> .....	<b>76</b>
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	76
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	84

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	87
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức .....	88
4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021 của Công ty.....	88
4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	88
4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	91
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>	<b>92</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	92
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	92
3. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .	97
3.1. Hội đồng quản trị.....	97
3.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	103
3.3. Ban kiểm soát .....	107
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>113</b>
1. Loại cổ phiếu.....	113
2. Mệnh giá .....	113
3. Tổng số cổ phiếu chào bán .....	113
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	113
5. Giá chào bán dự kiến.....	113
6. Phương pháp tính giá .....	113
7. Phương thức phân phối.....	113
8. Đăng ký mua cổ phiếu .....	113
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	113
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	114
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	114
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền): Không có...	115
13. Hủy bỏ đợt chào bán .....	115
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài .....	115
15. Các loại thuế có liên quan .....	115
15.1. Đối với Công ty .....	115
15.2. Đối với nhà đầu tư.....	116

16. Thông tin về các cam kết.....	116
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	118
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	118
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	118
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	119
XII. PHỤ LỤC.....	120
XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	121

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020 .....	11
Hình 2. Lạm phát cơ bản của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020 .....	12
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	23
Hình 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty .....	24
Hình 5. Sản phẩm dược phẩm và thảo dược Green+ phân phối .....	42
Hình 6. Hệ thống phân phối Green+ .....	44
Hình 7. Công nghệ, máy móc dược áp dụng .....	46

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty .....	21
Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	31
Bảng 3. Các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác .....	36
Bảng 4. Cơ cấu chứng khoán đang lưu hành .....	37
Bảng 5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo ngành, nghề kinh doanh của Công ty .....	38
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	47
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	47
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	48
Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	49
Bảng 10. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	50
Bảng 11. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	50
Bảng 12. Tài sản cố định Công ty thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021 .....	52
Bảng 13. Tài sản cố định hợp nhất thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021 .....	53
Bảng 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty .....	54
Bảng 15. Tình hình tài sản lớn thuộc sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 .....	54
Bảng 16. Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019 – 2021 .....	56
Bảng 17. Các hợp đồng lớn của Công ty .....	56
Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty .....	59
Bảng 19. Bảng so sánh với các công ty cùng ngành, cùng quy mô đã niêm yết .....	61
Bảng 20. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty .....	69
Bảng 21. Cơ cấu người lao động Công ty giai đoạn 2019 – 2021 .....	69
Bảng 22. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2019 – 2020 .....	72
Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	73
Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	74
Bảng 25. Chỉ tiêu của Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	76
Bảng 26. Chỉ tiêu hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	77
Bảng 27. Thời gian khấu hao TSCĐ .....	77
Bảng 28. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty .....	77



Bảng 29. Tình hình công nợ Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	78
Bảng 30. Tình hình công nợ hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021.....	78
Bảng 31. Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	78
Bảng 32. Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021.....	79
Bảng 33. Khoản phải trả Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021.....	80
Bảng 34. Khoản phải trả hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021 .....	80
Bảng 35. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021 .....	83
Bảng 36. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021.....	84
Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020.....	84
Bảng 38. Các chỉ tiêu tài chính Hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020 .....	86
Bảng 39. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021 .....	88
Bảng 40. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 01/05/2021 .....	92
Bảng 41. Lịch trình chào bán cổ phiếu phát hành ra công chúng.....	114

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### I. Tổ chức phát hành – Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Ông: Đặng Đức Thành Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Đặng Bích Hồng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Quốc Việt Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Ông: Phạm Ngọc Bích Chức vụ: Giám đốc Điều hành

*(Giấy ủy quyền số 20/2020/GUQ\_HSC ngày 16/03/2020)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 08-2021/HDDV-HSC-TCND ngày 15 tháng 03 năm 2021 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ cung cấp.

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

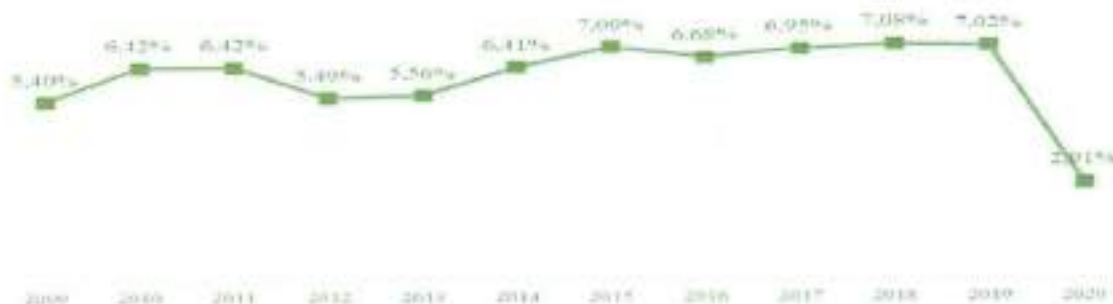
Với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 tăng 2,91% so với năm trước, Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã hội thì đây là một thành công lớn của Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP quý 4 năm 2020 tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi 03 quý đầu năm tăng lần lượt 3,68%, 0,39% và 2,69% so với cùng kỳ năm trước. Có được mức tăng trưởng khởi sắc này do chúng ta đã kiểm soát chặt chẽ dịch Covid-19, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%, khu vực dịch vụ tăng 4,29%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu mới công bố của Tổng cục Thống kê về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%. Trước làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm và diễn biến phức tạp, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 được ban hành cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, góp phần đưa cuộc sống người dân và tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ổn định trở lại, các hoạt động kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

**Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020**



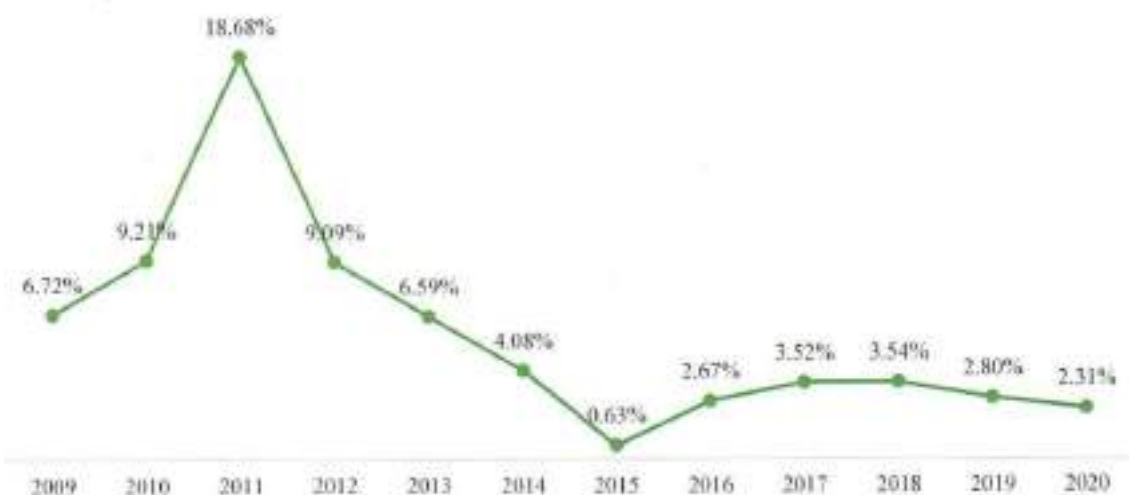
Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của nền kinh tế. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh phức tạp, Nhà nước thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trước những tác động từ nền kinh tế, Công ty đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, tiết giảm chi phí đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty.

### 1.1. Lạm phát

Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, kết thúc năm 2020, kinh tế Việt Nam đã có điểm sáng với tốc độ tăng trưởng khả quan, các chỉ số vĩ mô được đảm bảo. Trong đó, mục tiêu kiềm chế lạm phát đã, đang và sẽ được khống chế ở mức tăng dưới 4% như Quốc hội đã đề ra từ đầu năm. Mặc dù năm 2020 Ngân hàng Nhà nước đã nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng thương mại tăng cung tín dụng hỗ trợ nền kinh tế, tuy nhiên lạm phát vẫn được kiểm soát tốt.

Hình 2. Lạm phát cơ bản của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Cụ thể, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019; trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019.

Theo Cục Quản lý giá, mặt bằng giá cả thị trường trong năm 2020 chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các yếu tố cung cầu thay đổi liên tục và phức tạp trước diễn biến của dịch Covid-19. Mặt bằng giá cả xu hướng giảm hoặc ổn định ở mức thấp trong các thời điểm cung cầu chịu tác động tiêu cực của tình hình dịch bệnh và hồi phục trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát.

Trong bối cảnh nhiều thách thức, công tác quản lý, điều hành giá đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thận trọng, phối hợp chặt chẽ để đảm bảo hài hòa các mục tiêu chung, vừa đảm bảo mặt bằng giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát, vừa tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nhờ đó, CPI bình quân năm 2020 đã trong mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong đó, CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Giá xăng dầu, giá gas trong tháng giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước; học phí học kỳ I năm học 2021-2022 tiếp tục được miễn, giảm tại một số địa phương là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước và tăng 1,81% so với tháng 12/2020. Quý IV/2021, CPI giảm 0,38% so với quý trước và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

Lạm phát tăng sẽ khiến các chi phí như chi phí nguyên vật liệu, máy móc thiết bị sản xuất, vận chuyển hàng hóa, chi phí sử dụng lao động tăng theo khiến cho lợi nhuận của Công ty giảm. Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Green+ luôn tìm cách đa dạng hóa các nguồn cung cấp hàng hóa để có sự so sánh, tiếp cận được nguồn chi phí thấp nhất, đồng thời thực hiện nghiên cứu lựa chọn triển khai các phương pháp, công nghệ sản xuất tiên tiến, tối ưu tiết kiệm chi phí. Với diễn biến chỉ số giá tiêu dùng năm 2020 và năm 2021, dự kiến trong thời gian tới khi mức lạm phát tiếp tục được kiểm chế, duy trì ở mức ổn định không có biến động quá lớn, thì các chi phí của Công ty cũng sẽ được kiểm soát tốt, duy trì được hiệu quả hoạt động hiện tại.

## 1.2. Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành ổn định các mức lãi suất để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Hiện lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam bình quân của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%- 5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,5%-6,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1%-6,8% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Các tổ chức tín dụng tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động, giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh thuộc lĩnh vực ưu tiên là 4,5%/năm. Chất lượng tín dụng được nâng cao, góp phần kiểm soát lạm phát, đẩy lùi tín dụng đen; tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tín dụng cho tiêu dùng và cho vay bằng ngoại tệ.

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân hàng. Hiện nay vốn vay chỉ chiếm gần 1% tổng tài sản, và dự kiến sẽ có thể sẽ thay đổi dao động quanh con số này khi Công ty có kế hoạch bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh. Đây là cơ cấu vốn an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ được hạn chế.

### 1.3. Tỷ giá

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty kinh doanh các sản phẩm do công ty con sản xuất và một phần lớn hàng hóa là Công ty đặt gia công từ nước ngoài hoặc nhập khẩu về từ nước ngoài (chiếm khoảng 60% sản phẩm của Công ty hàng năm). Giá cả các mặt hàng có nguồn gốc từ nhập khẩu nêu trên có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá. Do đó, biến động về tỷ giá sẽ làm tác động không nhỏ đến chi phí đầu vào của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành

phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ là Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối các sản phẩm dược phẩm và thảo dược, kinh doanh nhà thuốc, bất động sản, ... Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dược, các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2020 là năm đánh dấu bước tiến lớn trong hệ thống pháp luật Việt Nam khi Quốc hội đã hoàn thành thông qua hàng loạt các Luật, Bộ Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, ... với những thay đổi, điều chỉnh tích cực giúp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cập nhật không kịp thời, làm ảnh hưởng đến tính tuân thủ nghiêm ngặt được đặt ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

## 3. Rủi ro đặc thù

### 3.1. Rủi ro biến động giá của các yếu tố đầu vào

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm chức năng và thảo dược của Việt Nam hiện nay, nguồn dược phẩm và nguyên liệu đầu vào của hầu hết các đơn vị sản xuất trong nước đều phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhập khẩu nước ngoài, trong khi giá cả luôn biến động. Sự biến động của các yếu tố đầu vào này đã tác động đến giá thành sản phẩm và làm ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. Đây là một trong những nhân tố rủi ro ảnh hưởng nhiều đến giá thành sản xuất và khả năng sinh lời của các Công ty dược nói chung.

Đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Green+, bên cạnh các sản phẩm của Công ty được sản xuất tại Nhật Bản và Hoa Kỳ, Công ty còn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm với nguồn nguyên liệu chính là các loại nấm dược liệu có nguồn gốc trong nước do các đối tác lâu năm, uy tín của Green+ nghiên cứu và nuôi trồng, chính vì thế Công ty có thể chủ động hơn về giá cả nguồn nguyên liệu sản xuất. Từ đó, giảm thiểu rủi ro về những biến động giá của các yếu tố đầu vào.

### 3.2. Rủi ro ngành

Theo lộ trình, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia các Công ty hóa dược, dược phẩm nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp nước ngoài được phép

nhập khẩu trực tiếp không qua ủy thác đã tạo làn sóng cạnh tranh lớn về giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm đối với các doanh nghiệp trong nước.

Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ nói riêng.

### 3.3. Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Vấn đề về hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu là vấn đề mà các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nói chung rất quan tâm vì nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, bên cạnh đó nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của các Công ty.

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, thì sự hỗ trợ của cơ quan quản lý Nhà nước là rất cần thiết nhằm hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái các mặt hàng thực phẩm chức năng, được phẩm nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Cho tới thời điểm này, Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để chống tệ nạn hàng giả, hàng nhái nói chung và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nói riêng nhưng dường như hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu vẫn xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi hơn trên thị trường.

Nhận thức sâu sắc về vấn đề này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ đã chủ động trong việc nâng cao bộ nhận diện thương hiệu Green+ đối với người tiêu dùng bằng cách liệt kê những đặc điểm riêng biệt giúp phân biệt hàng chính hãng với hàng giả, hàng nhái và thông báo đến người tiêu dùng. Đặc biệt, mỗi sản phẩm được Green+ bán ra trên thị trường đều được dán tem chống hàng giả để người tiêu dùng nhận diện cũng như giúp công tác quản lý và kiểm soát hàng hóa được tốt hơn.

### 4. Rủi ro về đợt chào bán

Thời gian vừa qua, nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã chịu nhiều sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Mặc dù có nhiều tiến triển tích cực trong việc khống chế dịch bệnh và dần lấy lại đà tăng trưởng kinh tế nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm đối tượng khác để tiếp tục chào bán hoặc tìm kiếm nguồn vốn từ các nguồn vay khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.



Tuy ngành được nhạy cảm với Covid, nhưng đang dần phục hồi. Dịch Covid-19 là thách thức lớn đối với kết quả hoạt động của ngành, đặc biệt trong trường hợp nếu dịch bệnh lây lan mạnh trong cộng đồng. Tuy nhiên, chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe nhìn chung là khoản chi tiêu thiết yếu và nhu cầu chi tạm trì hoãn trong thời gian ngắn, do đó, khả năng ngành phục hồi trong năm 2021 là rất cao. Vì vậy, trong tương lai thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt chào bán.

## 5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể giảm xuống nếu cổ đông đó không thực hiện quyền;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn;
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể giảm do số lượng cổ phiếu tăng.

Cụ thể, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Công ty sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó, BVPS sẽ được tính với công thức:

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, HĐQT đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHDCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

#### **7. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố... Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng...

## III. CÁC KHÁI NIỆM

<b>Từ, nhóm từ</b>	<b>Diễn giải</b>
Công ty/Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
HSC/Tổ chức tư vấn/Đại lý phân phối	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP/CP	: Công ty Cổ phần/Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
DN	: Doanh nghiệp
BCTC	: Báo cáo tài chính
SLCP	: Số lượng cổ phần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LN	: Lợi nhuận
HDKD	: Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	: Tài sản lưu động

TSCĐ	: Tài sản cố định
TMCP	: Thương mại cổ phần
GACP	: Good Agricultural and Collection Practices – Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái
GMP	: Good Manufacturing Practices – Thực hành tốt sản xuất
GSP	: Good Storage Practices – Thực hành tốt bảo quản thuốc
GLP	: Good Laboratory Practice – Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc
GDP	: Good Distribution Practices – Thực hành tốt phân phối thuốc

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN+
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	: Green Plus Joint Stock Corporation
Trụ sở chính	: Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Điện thoại	: 0862750808
Website	: <a href="http://www.greenplus.group">www.greenplus.group</a>
Logo	: 
Giấy CNĐKDN	: Mã số doanh nghiệp 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/06/2016, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 05/04/2021
Vốn điều lệ	: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng)
Người đại diện pháp luật	: Bà Đặng Bích Hồng – Tổng Giám đốc Công ty.
Tài khoản ngân hàng	: 0251002747771
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bình Tây

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/06/2016, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 05/04/2021 và thông tin công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

**Bảng 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
2	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3	<b>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</b>	<b>4722 (Chính)</b>
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5	Bán buôn thực phẩm	4632
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
8	Xây dựng nhà không để ở	4102
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

*Nguồn: Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, thành lập năm 2016, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm dược phẩm và thảo dược. Đầu năm 2021, Công ty mở rộng sang các lĩnh vực khác như kinh doanh nhà thuốc, bất động sản,... chính thức chuyển đổi tên hoạt động dưới mô hình tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ có 05 Công ty thành viên và hơn 500 nhân viên và đại lý bán hàng hoạt động trải dài trên phạm vi cả nước. Bao gồm:

- o Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đồng Khởi
- o Công ty Cổ phần quản lý phòng khám và nhà thuốc Green+
- o Công ty Cổ phần quỹ đầu tư khởi nghiệp Thành Công
- o Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh
- o Công ty Cổ phần học viện khởi nghiệp Thành Công

Công ty Cổ phần Linh Chi Vina (“Linh Chi Vina”), đối tác của Green+ và cũng là nhà sản xuất nấm linh chi lâu đời nhất Việt Nam với quá trình hoạt động hơn 30 năm. Linh Chi Vina hiện

sản xuất và cung ứng cho Hệ thống phân phối Green+ nhiều sản phẩm nấm, nấm linh chi chất lượng cao, các sản phẩm chế biến từ nấm linh chi như trà linh chi túi lọc, linh chi viên...

Năm 2017, Hội Đồng Nhân Sâm bang Wisconsin Hoa Kỳ đã chọn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Green+ là nhà phân phối độc quyền sản phẩm của họ tại Việt Nam. Hàng tấn nhân sâm Wisconsin Hoa Kỳ đã được Công ty Cổ phần Tập Đoàn Green+ nhập khẩu trực tiếp về chế biến, phân phối ... phục vụ cho khách hàng Việt.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Green+ hợp tác với Công ty Sato Yakuhin Kogyo Co., Ltd để sản xuất các sản phẩm cho sức khỏe được bán tại thị trường Việt Nam dưới thương hiệu Green+. Sato Yakuhin Kogyo Co., Ltd được thành lập từ năm 1947, là một trong những công ty chuyên sản xuất được phẩm uy tín và lâu đời nhất tại Nhật Bản.

Đến nay, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Green+ đã phối hợp với Hội Đồng Y Quận 5, Bệnh viện Y học Cổ truyền TP.HCM, Khoa Dược Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Y dược TP.HCM, Quỹ Tâm Lòng Vàng và nhiều đối tác có hoạt động liên quan đến lĩnh vực sức khỏe con người,... tổ chức hàng chục cuộc khám chữa bệnh miễn phí, hàng chục hội thảo chuyên đề về tối đen, nấm linh chi, mật ong, sâm Hoa Kỳ, các loại thực phẩm giải độc gan, ngăn ngừa nguồn gốc phát sinh bệnh ung thư ... Theo kế hoạch, định kỳ hàng tháng, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Green+ sẽ tiếp tục tổ chức tọa đàm, hội thảo khoa học chuyên sâu nhằm trao đổi, cung cấp thông tin hữu ích về sức khỏe đến mọi người.

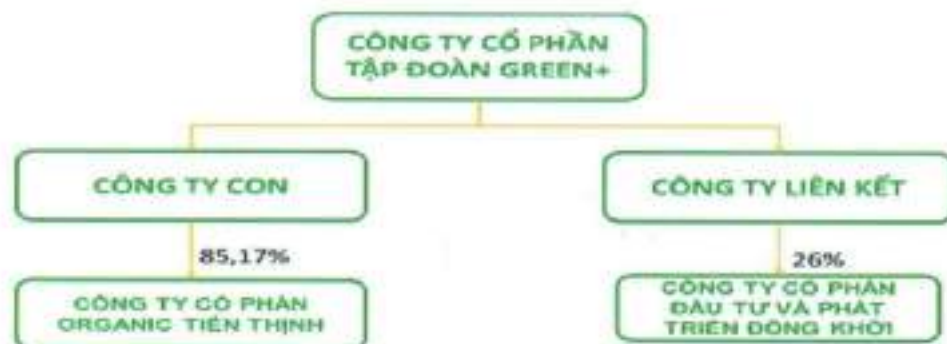
Chiến lược của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ định hướng tập trung đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trở thành Tập đoàn chuyên ngành Dược phẩm trong top 5 của Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, KCN Giao Long Giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Bến Tre.

Hiện tại, Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết:

Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Công ty có 05 chi nhánh, các chi nhánh của Công ty thực hiện hoạt động phân phối của Green+, triển khai việc nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm của Green+ và chăm sóc khách hàng của Công ty trên toàn quốc, bao gồm:

- ❖ Chi nhánh Hồ Chí Minh: Tầng 2, Tòa nhà Green+, Số 73-75 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
- ❖ Chi nhánh Hà Nội: 137 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- ❖ Chi nhánh Madagui: Khu du lịch rừng Madagui, khu phố 1, thị trấn Madagui, Huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng.
- ❖ Chi nhánh Bình Châu: Quốc lộ 55, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- ❖ Chi nhánh An Giang: 241 Trưng Nữ Vương nối dài, phường Châu Phú B, huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang.

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Green+ thiết lập cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.



Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban chức năng.

#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định những vấn đề khác được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HDQT hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị

#### 4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHCĐ bầu. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hiện nay, Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Công Lộc	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên Ban Kiểm soát

#### 4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

#### 4.5. Các phòng ban chức năng

Công ty có 06 phòng ban chức năng, điều hành bởi các Giám đốc chức năng và 05 Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm điều hành và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc, đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

Các phòng ban chức năng:

##### ➤ Phòng Hành chính – Nhân sự

- Nghiên cứu và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thiết lập mô hình, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Công ty; Các khả năng áp dụng những chính sách, chế độ của Nhà nước có liên quan đến đối tượng và tổ chức lao động trong Công ty.
- Dựa trên mô hình tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các nội dung về định chế pháp lý hành chính, các vấn đề liên quan đến thu nhập của người lao động, kế hoạch về nhân sự, quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo sự vận hành có hiệu quả của bộ máy.
- Tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin liên lạc, các thông tin theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo, những hoạt động phục vụ công tác hành chính của Công ty.

- Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thực hiện công bố thông tin & tham mưu cho Ban Lãnh đạo chủ động công bố thông tin trong những trường hợp cần thiết.
- Tổ chức thực hiện các báo cáo tổng hợp theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc.
- Quản lý các lĩnh vực về công nghệ thông tin bao gồm: Phần cứng, phần mềm, mạng máy tính và website của Công ty.
- Tổ chức thực hiện và quản lý công tác liên quan đến bảo vệ tài sản, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn – vệ sinh lao động, quan hệ địa phương, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây cảnh, an toàn vệ sinh thực phẩm tại khu vực trụ sở chính.

➤ **Phòng Tài chính Kế toán**

- Thu nhận và cung cấp các thông tin dưới đây, nhằm giúp cho Ban Lãnh đạo đánh giá được kết quả hoạt động kinh tế và các biện pháp quản lý đang thực hiện; Quản lý được chặt chẽ tài sản, ngăn ngừa kịp thời mọi hành vi gây tổn hại đến tài sản của Công ty và kiểm tra được việc thực hiện các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong Công ty. Các thông tin đó bao gồm:
  - Thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của Công ty.
  - Thông tin về số hiện có và tình hình luân chuyển của từng loại tài sản thuộc Công ty.
  - Thông tin về các nội dung văn bản pháp lý Nhà nước, có liên quan đến công tác kế toán, tài chính doanh nghiệp.
  - Thực hiện kiểm tra nội bộ và cung cấp tài liệu, phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động kinh tế, tài chính ở Công ty.
  - Tham mưu và xây dựng các kế hoạch, các phương án về tài chính để tạo nguồn vốn đồng thời thực hiện việc cân đối, bảo toàn nguồn vốn, nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh tế của Công ty.
  - Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo gửi cơ quan nhà nước.
  - Tuân thủ pháp luật về kế toán và các nghĩa vụ với nhà nước về thuế.

➤ **Phòng Truyền thông Marketing**

- Tham mưu cho Ban TGD trong việc xây dựng các chiến lược/ chiến thuật/ chính sách liên quan đến kinh doanh – tiếp thị, cụ thể như:
  - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách giá cả.
  - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách bán hàng, khuyến mãi... và chăm sóc khách hàng.

- Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách sản phẩm.
  - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách phát triển hệ thống phân phối.
  - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu.
- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các chủ trương đã được phê duyệt nêu trên tại các chi nhánh và báo cáo định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu của ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Kinh doanh**

- Lập kế hoạch vận chuyển lưu thông phân phối sản phẩm theo tiêu chuẩn GDP. GDP là một phần của công tác bảo đảm chất lượng toàn diện để bảo đảm chất lượng thuốc được duy trì qua việc kiểm soát đầy đủ tất cả các hoạt động liên quan đến quá trình phân phối thuốc.
- Tổ chức quản lý và bảo quản thành phẩm theo quy định GSP. GSP là các biện pháp đặc biệt, phù hợp cho việc bảo quản và vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ở tất cả các giai đoạn sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển và phân phối thuốc để đảm bảo cho thành phẩm thuốc có chất lượng đã định khi đến tay người tiêu dùng.
- Giám sát việc bán hàng của các chi nhánh.
- Thực hiện kế hoạch bán hàng của công ty.
- Tổ chức, giám sát quản lý xuất – nhập: hàng khuyến mãi, xăng dầu vận chuyển.
- Quản lý và giám sát thực hiện chi phí bán hàng của các chi nhánh.
- Giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng như: chiết khấu thanh toán, khuyến thưởng, khuyến mãi, khách hàng thân thiết, xổ số may mắn...
- Phối hợp với các phòng ban chức năng trong việc trang bị thiết bị tài sản đầu tư của công ty theo sự phân công của TGD.

➤ **Phòng Cung ứng xuất nhập khẩu**

- Nghiên cứu và xây dựng các kế hoạch định hướng của Công ty theo các thời hạn định kỳ gồm:
  - Kế hoạch sản xuất sản phẩm thu mua, dự trữ và nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ cho kế hoạch sản xuất.
  - Kế hoạch gia công, cung ứng vật tư, thiết bị.
  - Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm nhập khẩu trang thiết bị y tế.
- Tổ chức công tác quản lý và bảo quản các nguyên phụ liệu theo các yêu cầu của GMP – GSP.

Trong đó GMP là tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt áp dụng để quản lý sản xuất trong các ngành: dược phẩm, mỹ phẩm, thiết bị y tế, thực phẩm...; GSP là các biện pháp đặc biệt, phù hợp cho việc bảo quản và vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ở tất cả các giai đoạn sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển và phân phối thuốc để đảm bảo cho thành phẩm thuốc có chất lượng đã định khi đến tay người tiêu dùng.

- Tổ chức công tác nhập, xuất nguyên phụ liệu, thiết bị theo yêu cầu của các phòng ban đã được phê duyệt.

➤ **Phòng phát triển sản phẩm**

- Tổ chức nghiên cứu mật hàng mới, cải tiến các quy trình công nghệ, xây dựng các quy trình sản xuất theo yêu cầu của Công ty.
- Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn dược điển. Xây dựng mới hoặc bổ sung soát xét tiêu chuẩn cho các loại nguyên phụ liệu, bán thành phẩm và thành phẩm đã, đang và sắp sản xuất trong các quy trình công nghệ thuộc Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu đề tham mưu cho Công ty các định hướng sau:
  - Chiến lược về phát triển công nghệ sản xuất.
  - Chiến lược về sản phẩm.
  - Quy hoạch và đầu tư phát triển.
  - Bố trí, sắp xếp các dây chuyền sản xuất.
- Thực hiện đăng ký các thủ tục pháp lý về sản xuất và quyền sở hữu công nghiệp.

5. **Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại):**

❖ **Danh sách Công ty mẹ**

Không có

❖ **Danh sách Công ty con**

1. **Công ty Cổ phần Linh chi Vina (\*)**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Ngày thành lập: 27/12/2006
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0304758331
- Hoạt động kinh doanh chính: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học

tự nhiên và kỹ thuật

Chi tiết: Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học nông nghiệp - công nghệ vào cuộc sống.

Mã ngành: 7210

- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại công ty này hiện tại: 0%

*(\*) Từ ngày 06/09/2017 đến ngày 17/06/2021, Công ty Cổ phần Linh Chi Vina là Công ty con được sở hữu 60% tỷ lệ biểu quyết bởi Green+. Kể từ ngày 18/6/2021, Green+ không còn sở hữu cổ phần tại Linh Chi Vina.*

## 2. Công ty Cổ phần Organic Tiên Thịnh

- Mỗi quan hệ: Công ty con
- Ngày thành lập: 18/03/2021
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.
- Trụ sở chính: 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn chuyên doanh khác
- Mã ngành: 4669
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại công ty này: 85,71%

### ❖ Danh sách Công ty liên kết

#### 1. Công ty Cổ phần quản lý nhà thuốc và phòng khám Green+ (\*)

- Mỗi quan hệ: Công ty liên kết
- Ngày thành lập: 30/03/2021
- GCNĐKDN số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.
- Trụ sở chính: thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý.
- Mã ngành: 7020

- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại công ty này hiện tại: 19%

(\*) Từ ngày 30/03/2021 đến ngày 23/12/2021, Công ty Cổ phần quản lý nhà thuốc và phòng khám là Công ty liên kết được sở hữu 35% tỷ lệ biểu quyết bởi Green+. Kể từ ngày 24/12/2021, Công ty Cổ phần quản lý nhà thuốc và phòng khám không còn là Công ty liên kết của Green+.

## 2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi

- Mỗi quan hệ: Công ty liên kết
- Ngày thành lập: 16/10/2020
- GCNĐKDN số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh
- Trụ sở chính: HP 1.32, Tầng 1, Khu đô thị Hưng Phú, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Mã ngành: 6810
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại công ty này: 26,4%

## 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 01/06/2016 với số vốn điều lệ là 24 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 04 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

**Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Ban đầu	24.000			
01/2018	120.000	96.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ	Sở KH&ĐT tỉnh Bến Tre
01/2021	150.000	30.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ	Sở KH&ĐT tỉnh Bến Tre

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
02/2021	260.000	110.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ	Sở KH&ĐT tỉnh Bến Tre
03/2021	320.000	60.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ	Sở KH&ĐT tỉnh Bến Tre

Thông kê chi tiết các đợt tăng vốn của Công ty như sau:

1. Tăng vốn đợt 01 năm 2017.

- Vốn điều lệ trước phát hành: 24.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 120.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 96.000.000 cổ phần (phát hành riêng lẻ).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 3 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 7 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: ĐHDCD và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 05/BB-TDX ngày 01/03/2017 thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/02/2018.

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
Phát hành cổ phần riêng lẻ	
- Số lượng phát hành	96.000.000 cổ phần
- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phần
- Ngày phát hành	19/04/2018



Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Không có
- Số lượng cổ đông	7 cổ đông

Thông tin tóm tắt về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán tăng vốn lần 01:

(đvt: triệu đồng)

STT	Nội dung sử dụng vốn thực tế	Số tiền sử dụng vốn thực tế
1	Nhận chuyển nhượng Shop house T1.09 và T1.10 Lô AB chung cư Aview thuộc KDC 13C Nguyễn Văn Linh, Bình Chánh, TP.HCM	6.533
2	Nhận chuyển nhượng QSDĐ tại thửa đất số 478 tờ bản đồ số 9 và tầng 2 khu chung cư TMCC Bà Thạc Gián, đều có vị trí tại phường Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	42.210
3	Đầu tư tài chính dài hạn; đầu tư vào công ty con và góp vốn vào đơn vị khác	38.489
4	Ký hợp đồng với CTCP Quản lý & kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vựa tại Chợ đầu mối NSTP Thủ Đức đến hết ngày 03/07/2053 với hình thức thuê trả trước một lần	24.549
<b>Tổng cộng</b>		<b>111.781</b>

## 2. Tăng vốn đợt 02 tháng 01 năm 2021

- Vốn điều lệ trước phát hành: 120.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.000.000 cổ phần (phát hành riêng lẻ).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 28 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 34 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: DHĐCD và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 09/BB-TDX ngày 28/12/2020 thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - Nghị quyết HĐQT số 01/2021/TDX/NQ-NDQT ngày 08/01/2021 về việc phân phối lại số cổ phần mà cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết;

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/01/2021.

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
<b>Phát hành cổ phần riêng lẻ</b>	
- Số lượng phát hành	3.000.000 cổ phần
- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phần
- Ngày phát hành	08/04/2021
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Không có
- Số lượng cổ đông	08 cổ đông

### 3. Tăng vốn đợt 03 tháng 02 năm 2021

- Vốn điều lệ trước phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 260.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 11.000.000 cổ phần (phát hành riêng lẻ).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 34 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 35 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phần của mỗi lần tăng vốn: DHDCĐ và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre:
  - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 11/QĐ-GREEN+ ngày 01/02/2021 thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - Nghị quyết HĐQT số 02/2021/GREEN+/NQ-HĐQT ngày 08/02/2021 về việc phân phối lại số cổ phần mà cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết;
  - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/02/2021.

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phần	Nội dung chi tiết
Phát hành cổ phần riêng lẻ	
- Số lượng phát hành	11.000.000 cổ phần
- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phần
- Ngày phát hành	17/03/2021
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Không có
- Số lượng cổ đông	04 cổ đông

#### 4. Tăng vốn đợt 04 tháng 03/2021

- Vốn điều lệ trước phát hành: 260.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 320.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 6.000.000 cổ phần (phát hành riêng lẻ).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 35 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 38 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: ĐHDCĐ và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 15/QĐ-GREEN+ ngày 11/03/2021 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - Nghị quyết HĐQT số 03/2021/GREEN+/NQ-HĐQT ngày 16/03/2021 về việc phân phối lại số cổ phần mà cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết;
  - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/03/2021.

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phần	Nội dung chi tiết
Phát hành cổ phần riêng lẻ	

- Số lượng phát hành	6.000.000 cổ phần
- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phần
- Ngày phát hành	06/04/2021
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Không có
- Số lượng cổ đông	04 cổ đông

Thông tin tóm tắt về việc sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán trong năm 2021:

(đvt: triệu đồng)

STT	Nội dung sử dụng vốn thực tế	Số tiền sử dụng vốn thực tế
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn, kinh doanh chứng khoán niêm yết	5.018
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn	50.000
3	Đầu tư tài chính dài hạn: đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và góp vốn vào đơn vị khác	213.160
<b>Tổng cộng</b>		<b>268,178</b>

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại)

**Bảng 3. Các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác**

STT	Đối tượng	Năm thực hiện	Giá trị	Hình thức	Phương thức thực hiện
1	Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long	2018-2019	23.157.160.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền
2	Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long	2020	23.157.160.000	Thoái vốn	Bán thỏa thuận
3	Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	2017	18.000.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền

STT	Đối tượng	Năm thực hiện	Giá trị	Hình thức	Phương thức thực hiện
4	Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	2021	18.000.000.000	Thoái vốn	Bán thỏa thuận
5	Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	2021	60.000.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền
6	Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	2021	70.000.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền
7	Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	2021	32.000.000.000	Thoái vốn	Bán thỏa thuận
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	2021	29.000.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền
9	Công ty Cổ phần Thương mại Dream House	2021	22.800.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền
10	CTCP Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	2021	18.250.000.000	Góp vốn cổ phần	Bằng tiền

*Nguồn: BCTC năm 2019, 2020, BCTC 6 tháng đầu năm 2021 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành (tại thời điểm 01/05/2021):

**Bảng 4. Cơ cấu chứng khoán đang lưu hành**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
8.1	Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	100%	91
1	Cổ đông trong nước	32.000.000	100%	91
	- Tổ chức	500.000	1,56%	1
	- Cá nhân	31.500.000	98,44%	90
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức <sup>(*)</sup>	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
8.2	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
8.3	Các loại chứng khoán khác	0	0	0
Tổng cộng		32.000.000	100%	91

(\*) : Bao gồm các tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Bảng 5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh*	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
(1)	(2)		(3)	(4)	(6)

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh*	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
1	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	Không quy định	0% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định
2	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	Không quy định	0% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định
3	4722 (Chính)	<b>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</b>	Không quy định	100 %	Không quy định
4	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	Không quy định	100%	Không quy định
5	4632	Bán buôn thực phẩm	Không quy định	100%	Không quy định
6	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Không quy định	Không hạn chế	Không quy định

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh <sup>1</sup>	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cu thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
7	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	Không quy định	Không hạn chế	Không quy định
8	4102	Xây dựng nhà không để ở	Không quy định	Không hạn chế	Không quy định
9	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Không quy định	Không hạn chế	Không quy định

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Như vậy:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại (01/05/2021): 0%, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

##### **📌 Sản phẩm, dịch vụ chính:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm 3 mảng chính: sản xuất và phân phối thảo dược, sản phẩm từ thảo dược; sản xuất và cung ứng dược liệu và dược phẩm; và kinh doanh chuỗi nhà thuốc.

Đối với lĩnh vực sản xuất và phân phối các loại thảo dược, sản phẩm từ thảo dược: Công ty tập trung sản xuất và phân phối các sản phẩm chất lượng cao, có nguồn gốc từ thiên nhiên, giúp duy



trì, tăng cường sức khỏe. Tất cả những sản phẩm đều được Green+ chọn lọc kỹ càng từ các nhà cung cấp uy tín, có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất với các quy trình đạt các tiêu chuẩn GACP, GMP, GSP, GLP, GDP. Ngoài việc phát triển chuỗi cửa hàng Green+, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ cũng đã và đang xúc tiến đầu tư phát triển vùng nguyên liệu tại Madagui, tỉnh Kom Tum, tỉnh Bến Tre để nghiên cứu, trồng nhiều loại thảo dược như: Nấm Linh Chi, Sâm Ngọc Linh...

Ngoài ra, Green+ còn cung ứng cho thị trường các loại dược liệu và dược phẩm như nấm, nấm linh chi chất lượng cao, các sản phẩm chế biến từ nấm linh chi như trà linh chi túi lọc, linh chi viên... do đối tác lâu năm và uy tín của Green+ sản xuất, là Công ty Cổ phần Linh Chi Vina – nhà sản xuất nấm linh chi lâu đời nhất Việt Nam với quá trình hoạt động hơn 30 năm.

Bên cạnh đó, từ đầu năm 2021 đến nay, Công ty còn thực hiện mở rộng đầu tư sang lĩnh vực bất động sản bằng phương thức đầu tư vào chuỗi nhà thuốc kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Green+ thông qua công ty con của Công ty.

Các sản phẩm kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

#### a. Sản xuất và phân phối các sản phẩm dược phẩm và thảo dược

Các sản phẩm dược phẩm và thảo dược được Công ty phân phối chủ yếu là theo phương thức nhà phân phối độc quyền với các nhà cung cấp uy tín, đặc biệt là sản phẩm nhân sâm Wisconsin Hoa Kỳ của Hội Đồng Nhân Sâm bang Wisconsin Hoa Kỳ với vai trò là nhà nhập khẩu độc quyền trực tiếp về chế biến, phân phối... phục vụ cho khách hàng Việt.

Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác với Công ty Sato Yakuhin Kogyo Co., Ltd để sản xuất các sản phẩm cho sức khỏe được bán tại thị trường Việt Nam dưới thương hiệu Green+. Sato Yakuhin Kogyo Co., Ltd được thành lập từ năm 1947, là một trong những công ty chuyên sản xuất dược phẩm uy tín và lâu đời nhất tại Nhật Bản. Đối với hoạt động này, Công ty đã tận dụng được trình độ khoa học, công nghệ hiện đại và tiên tiến của nước ngoài, để sản xuất các sản phẩm chuyên biệt của Công ty, đem lại hiệu quả cao cho người sử dụng.

Các sản phẩm phân phối nổi bật của Công ty bao gồm:

- + Nhân sâm Wisconsin giúp tăng cường sinh lực, hồi phục khả năng sinh lý, tăng testosterone nội sinh, tăng sức đề kháng, chống mệt mỏi, chống stress, phòng chống lão hóa, ngăn ngừa các chứng trầm uất, suy nhược thần kinh, điều hòa lipid máu, ổn định đường huyết, giúp ngăn ngừa ung thư và một số bệnh mãn tính.

Đây là loại sâm sinh trưởng tự nhiên ở vùng Bắc Mỹ, được khám phá cách đây 300 năm và bắt đầu nuôi trồng từ năm 1870.

- + Linh Chi Vina có tác dụng hỗ trợ điều trị ung thư, chống dị ứng, chống viêm, chống oxy hóa, nâng cao miễn dịch, tốt cho hệ tuần hoàn, tiêu hóa và cả hệ thần kinh.

- + Nano Fucoidan Green+: đây là thực phẩm chức năng có chứa Fucoidan và khoáng chất giúp tăng cường khả năng miễn dịch, hiệu quả trong điều trị ung thư.
- + Sản phẩm Collagen Bidanki Green+ giúp bổ sung vitamin và collagen, hỗ trợ tăng cường sức khỏe, hạn chế quá trình lão hóa, giúp da tươi trẻ.
- + Cao đặc Actiso giúp mát gan, thông mật, lợi tiểu, hạ cholesterol trong máu.
- + Tỏi đen giúp giảm cholesterol trong máu, chống xơ vữa động mạch, bảo vệ tim mạch, hạn chế lão hóa, tăng đề kháng, giúp ăn ngon miệng.

Ngoài ra, trong những dịp lễ tết trong năm, Green+ đều giới thiệu ra thị trường các chương trình khuyến mãi hấp dẫn gồm các gói quà tặng đặc biệt với chủ đề phù hợp mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Green+ nhận cung cấp cho các doanh nghiệp những phần quà tặng đẹp, trang trọng và đặc biệt hữu ích cho người được tặng. Mỗi món quà đều mang một cái tên và ý nghĩa riêng, truyền đạt thông điệp sâu sắc tới cổ đông, cán bộ, công nhân viên, đối tác, khách hàng... Đó là lời tri ân, là lời cam kết gắn bó cùng nhau phát triển.

Các hộp quà cũng được thiết kế với phong cách và màu sắc phù hợp theo yêu cầu của mỗi doanh nghiệp.

Hình 5. Sản phẩm dược phẩm và thảo dược Green+ phân phối





Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Hệ thống phân phối Green+ có hàng ngàn điểm bán và đại lý trên khắp các tỉnh, thành của Việt Nam sẵn sàng phục vụ nhanh chóng các yêu cầu của người tiêu dùng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ với hệ thống phân phối Green+ luôn cam kết về đảm bảo chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm đều trải qua các bước kiểm tra khắt khe, đảm bảo chất lượng trước khi được đưa ra phân phối bán lẻ trên thị trường bao gồm: kiểm tra nguyên liệu, độ tinh khiết, sự hiệu nghiệm, quy cách đóng gói, thử nghiệm vi sinh học...

Mục tiêu của Công ty là trở thành nơi bán hàng sản phẩm thảo dược chuyên biệt lớn nhất Việt Nam và là nơi tập hợp, đồng hành cùng mọi người (*thông qua sinh hoạt Câu lạc bộ Thảo Dược Xanh, Câu lạc bộ Thảo Dược Trị Liệu*) nghiên cứu, chia sẻ mọi cách thức hỗ trợ và điều trị khoa học các loại bệnh liên quan đến sức khỏe và sắc đẹp của con người thông qua hệ thống hàng ngàn đại lý bán hàng, các chương trình truyền hình Thảo Dược Xanh, các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên đề với sự hiện diện của nhiều bác sĩ, dược sĩ tên tuổi thường xuyên được tổ chức trong tháng.

**b. Sản xuất và cung ứng dược liệu và dược phẩm**

Kể từ năm 2017, Green+ thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Chi Vina. Đây là nơi sản xuất và cung ứng cho Hệ thống phân phối Green+ nhiều sản phẩm nấm, nấm linh chi chất lượng cao, các sản phẩm chế biến từ nấm linh chi như trà linh chi túi lọc, linh chi viên...

Các sản phẩm nấm sản xuất nổi bật của Công ty bao gồm: nấm Vân Chi, nấm Linh Chi, nấm Thái Dương, nấm Hàu Thù, nấm Bào Ngư, nấm Hoàng Kim.

**c. Hoạt động kinh doanh nhà thuốc**

Công ty luôn tập trung vào việc xây dựng hệ thống phân phối, phát triển thương hiệu, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong thời gian đầu, Công ty chủ yếu thực hiện phân phối thông qua các cửa hàng phân phối Green+, các đại lý trên toàn quốc. Bên cạnh đó, trong năm 2021, Green+ đã và đang xây dựng hệ thống chuỗi 250 nhà thuốc phân phối chính những sản phẩm của Green+ và các sản phẩm ngành dược khác.

Hình 6. Hệ thống phân phối Green+



Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Quy trình sản xuất kinh doanh:

Tùy thuộc vào từng loại dược phẩm, thực phẩm chức năng cụ thể mà sẽ có những quy trình sản xuất khác nhau. Tuy nhiên, quy trình sản xuất chung như sau:

*Bước 1: Lên ý tưởng sản phẩm*

Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong quy trình sản xuất kinh doanh, là tiền đề, cơ sở để Công ty thực hiện những bước tiếp theo để mang sản phẩm của mình đến với công chúng. Nhận thức được tầm quan trọng của khâu lên ý tưởng, Công ty luôn tạo mọi điều kiện để tất cả mọi người trong Công ty có thể phát huy sự sáng tạo của mình, không phân biệt nhân viên hay quản lý.

**Bước 2: Sản xuất quy mô thí nghiệm**

Phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm nghiên cứu kỹ lưỡng về sản phẩm mới với thành phần gì, công dụng ra sao, đối tượng sử dụng như thế nào để đưa ra công thức, quy trình và sản phẩm thử nghiệm. Từ đó làm tiền đề cho các bước tiếp theo trong quy trình sản xuất.

**Bước 3: Tìm hiểu các nguyên liệu cần sử dụng**

Nguyên liệu được lựa chọn vào sản xuất thực phẩm chức năng phải là thảo dược tự nhiên và trải qua quá trình kiểm định kỹ lưỡng để đảm bảo không nằm trong danh mục bị cấm, đồng thời phải chú ý đến hàm lượng được sử dụng.

**Bước 4: Sản xuất sản phẩm**

Tất cả các loại thực phẩm chức năng phải được sản xuất đúng theo công thức và quy trình đã được phê duyệt, nhằm tạo ra các thành phẩm đạt yêu cầu về chất lượng, sự an toàn và đem lại hiệu quả cao nhất cho sức khỏe của người dùng. Mỗi công đoạn đều cần phải được theo dõi gắt gao. Đặc biệt, việc phòng ngừa nhiễm chéo, nhiễm khuẩn trong quá trình sản xuất cần phải được đặt lên hàng đầu.

**Bước 5: Đăng ký hồ sơ sản phẩm**

Bước tiếp theo là đăng ký hồ sơ sản phẩm với Cục An toàn thực phẩm. Sản phẩm mẫu phải được kiểm tra đạt các chỉ tiêu và đạt độ ổn định do nghiên cứu viên cùng quản trị sản phẩm đánh giá đưa ra dưới sự xác nhận của quản lý phòng và các phòng ban liên quan. Các chỉ tiêu này phải phù hợp với yêu cầu chung của sản phẩm thực phẩm chức năng và đạt với yêu cầu riêng với từng loại sản phẩm đặc trưng

**Bước 6: Chào bán sản phẩm ra thị trường**

Sau khi mọi thứ được hoàn thành thì Công ty tiến hành giới thiệu sản phẩm đến rộng rãi công chúng.

**4 Công nghệ áp dụng**

Với sự hợp tác lâu dài giữa Công ty với Công ty Sato Yakuhin Kogyo, nhà sản xuất gia công theo hợp đồng đầu tiên ở Nhật Bản nhận được giấy phép sản xuất các chế phẩm dạng rắn uống từ FDA Hoa Kỳ, và đã được cấp đầy đủ các chứng nhận GACP, GMP, GSP, GLP, GDP cho các dòng sản phẩm hợp đồng sản xuất với Công ty Green+, Green+ được thừa hưởng kết quả của các hệ thống máy móc, công nghệ hiện đại tiên tiến đến từ Nhật Bản. Với sự phát triển chính xác và có hệ thống, Sato Yakuhin Kogyo đang đóng vai trò là một đối tác sản xuất được phẩm tốt cho Tập đoàn Green+.

Hình 7. Công nghệ, máy móc được áp dụng



*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

#### 10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Cho đến thời điểm hiện tại, các hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố thời vụ nào qua các năm.

#### 10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ (tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và tới thời điểm hiện tại)

##### a. Cơ cấu doanh thu năm 2019, 2020 và 2021

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng	38.469	60,83%	8.795	51,40%	(77,1%)	10.656	95,33%
Doanh thu nhượng quyền sạp	20.281	32,07%	6.980	40,79%	(65,6%)	-	-
Doanh thu thuê sạp, mặt bằng	4.492	7,10%	1.338	7,82%	(70,2%)	522	4,67%
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.242</b>	<b>100,00%</b>	<b>17.113</b>	<b>100,00%</b>	<b>(72,9%)</b>	<b>11.178</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu thuần	Năm 2019 (*)		Năm 2020		% tăng giảm	Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng	41.259	62,48%	10.998	56,94%	(73,34%)	562.788	99,91%
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	20.281	30,72%	6.980	36,14%	(65,58%)	-	-
Doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng	4.492	6,8%	1.338	6,93%	(70,21%)	522	0,09%
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.032</b>	<b>100,00%</b>	<b>19.316</b>	<b>100,00%</b>	<b>(70,75%)</b>	<b>563.310</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(\*): Số liệu năm 2019 của Công ty đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm 2020, so với số liệu trên BCTC kiểm toán năm 2019.

Nhìn chung, các lĩnh vực mang lại doanh thu cho công ty trong giai đoạn 2019 – 2021 bao gồm hoạt động kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón và cho thuê mặt bằng.

Hoạt động chuyển nhượng quyền thuê và cho thuê sạp, mặt bằng là một trong các hoạt động chủ yếu mang lại doanh thu cho Green+ năm 2019, cụ thể năm 2019, tổng doanh thu hoạt động chuyển nhượng quyền thuê sạp và cho thuê sạp, mặt bằng của Công ty đạt 24,773 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng đến 37,52% trên doanh thu thuần. Đến năm 2020, các hoạt động này giảm mạnh, doanh thu đạt còn 8,3 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do dịch bệnh Covid trong năm 2020, Công ty không còn tập trung vào hoạt động chuyển nhượng quyền và cho thuê sạp, mặt bằng. Kể từ tháng 12/2020, Công ty đã thực hiện việc rút toàn bộ hoạt động kinh doanh kể trên, chỉ còn hoạt động cho thuê tòa nhà văn phòng tại Đà Nẵng. Vì vậy, Công ty không phát sinh thêm doanh thu đối với hoạt động này kể từ thời gian nêu trên. Bên cạnh đó, cơ cấu doanh thu của Công ty trong 02 năm 2019 và 2020 hầu như không thay đổi.

Đến năm 2021, trong cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty, doanh thu bán hàng đạt hơn 562,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 99.9% trong cơ cấu doanh thu. Nguyên nhân của việc doanh thu bán hàng tăng đột biến này đến từ sự tăng vọt doanh thu bán hàng hóa (phân bón) tại công ty con là CTCP Organic Tiến Thịnh. Ngoài ra, doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng đóng góp 522 triệu đồng vào cơ cấu doanh thu, chiếm tỷ trọng 0,09%. Nguyên nhân của sự sụt giảm doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng là do người thuê không kinh doanh được nên số lượng sạp, mặt bằng bỏ trống không người thuê tăng vọt. Trong năm 2021, tuy tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn mang lại nhiều kết quả khả quan, tích cực.

#### b. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2019, năm 2020 và 2021

**Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Lợi nhuận gộp bán hàng	4.889	7,73%	5.773	33,74%	18,1%	5.258	96,6%
Lợi nhuận gộp nhượng quyền thuê sạp	4.799	7,59%	(426)	(2,49%)	(108,9%)	-	-



Lợi nhuận gộp cho thuê sạp, mặt bằng	2.604	4,12%	610	3,56%	(76,6%)	185	3,4%
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.292</b>	<b>19,44%</b>	<b>5.957</b>	<b>34,81%</b>	<b>(51,5%)</b>	<b>5.443</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2019 (*)		Năm 2020		% tăng giảm	Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Lợi nhuận gộp bán hàng	6.020	9,12%	6.386	33,06%	6,08%	38.523	99,52%
Lợi nhuận gộp nhượng quyền thuê sạp	4.799	7,27%	(426)	(2,21%)	(108,88%)	-	-
Lợi nhuận gộp cho thuê sạp, mặt bằng	2.604	3,94%	609	3,15%	(76,61%)	185	0,48%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.423</b>	<b>20,33%</b>	<b>6.569</b>	<b>34,01%</b>	<b>(51,06%)</b>	<b>38.708</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green +*

Năm 2019, lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty có giá trị đóng góp lớn nhất vào tổng lợi nhuận gộp, tỷ trọng chiếm đến 44,85%. Kế tiếp là lợi nhuận gộp từ hoạt động nhượng quyền và cho thuê sạp, mặt bằng của công ty.

Năm 2020, cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty có sự thay đổi và chuyển dịch lớn trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm khoảng 51% so với năm 2019 và hoạt động chuyển nhượng quyền cho thuê sạp đã có một năm ghi nhận mức lợi nhuận âm so với năm 2019. Nguyên nhân của việc ghi nhận lợi nhuận âm này là do giá trị khi bán ra thấp hơn giá vốn mua vào ban đầu.

Trong khi đó, hoạt động bán hàng hóa đã dần mang lại nguồn lợi nhuận tốt cho Công ty. Năm 2020, lợi nhuận gộp hoạt động này mang lại tỷ trọng khoảng 33% trên doanh thu thuần. Hiện nay, Công ty định hướng xác định đây là một trong cách hoạt động mang lại nguồn thu lớn cho Green+, vì vậy, Công ty đã định hướng trong việc tập trung vào mảng hoạt động này để tăng cường sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng cho Công ty.

Trong năm 2021, hoạt động kinh doanh của Công ty mang lại kết quả khả quan mặc dù dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến rất phức tạp. Cụ thể, lợi nhuận gộp bán hàng đóng góp hơn 38,5 tỷ đồng, chiếm hơn 99,5% trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động cho thuê sạp, mặt bằng cũng đóng góp 185 triệu đồng vào cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty, chiếm tỷ trọng 0,48%.

#### 10.1.4. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

**Bảng 10. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chi phí	Năm 2019 (*)			Năm 2020			Năm 2021
	Giá trị	% TCP	% DTT	Giá trị	% TCP	% DTT	Giá trị
Giá vốn hàng bán	50.950	80,87%	80,56%	11.156	55,39%	65,19%	5.735
Chi phí tài chính	2.891	4,59%	4,57%	2.516	12,49%	14,70%	3.345
Chi phí bán hàng	2.667	4,23%	4,22%	1.341	6,66%	7,84%	1.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.882	9,34%	9,30%	4.771	23,69%	27,88%	6.754
Chi phí khác	609	0,97%	0,96%	358	1,78%	2,09%	762
<b>Tổng chi phí (TCP)</b>	<b>62.999</b>			<b>20.142</b>			<b>18.484</b>
<b>Doanh thu thuần (DTT)</b>	<b>63.242</b>			<b>17.113</b>			<b>11.178</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 11. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chi phí	Năm 2019 (*)			Năm 2020			Năm 2021
	Giá trị	% TCP	% DTT	Giá trị	% TCP	% DTT	Giá trị
Giá vốn hàng bán	52.609	80,21%	79,67%	12.747	56,98%	65,99%	524.602
Chi phí tài chính	2.891	4,41%	4,38%	2.516	11,25%	13,03%	3.345
Chi phí bán hàng	2.808	4,28%	4,25%	1.416	6,33%	7,33%	1.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.673	10,17%	10,11%	5.334	23,84%	27,61%	7.759
Chi phí khác	610	0,93%	0,92%	359	1,60%	1,86%	762
<b>Tổng chi phí (TCP)</b>	<b>65.591</b>			<b>22.372</b>			<b>538.356</b>
<b>Doanh thu thuần (DTT)</b>	<b>66.032</b>			<b>19.316</b>			<b>563.310</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

*(\*)*: Số liệu năm 2019 của Công ty đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm 2020, so với số liệu trên BCTC kiểm toán năm 2019.

Năm 2020, trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán là chỉ tiêu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí và doanh thu thuần, lần lượt là 56,98% và 65,99%. Đối với những Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm chức năng, giá vốn hàng bán thường rất cao và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu bởi các lý do sau đây: Thứ nhất, nguồn nguyên liệu đầu vào để sản xuất thực phẩm chức năng phải là những nguyên liệu chất lượng, an toàn, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Thứ hai, một số nguyên liệu phải nhập khẩu từ nước ngoài, cộng thêm chi phí vận chuyển, bảo quản nguyên liệu. Thứ ba, để sản xuất ra sản phẩm thực phẩm chức năng có chất lượng tốt đòi hỏi phải có dây chuyền, hệ thống sản xuất hiện đại với công nghệ tiên tiến. Do vậy, giá vốn hàng bán thường không nhỏ.

Tuy nhiên, với chủ trương tối ưu hóa các khoản chi phí để đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong một năm đầy thách thức, Công ty đã tích cực tăng cường kiểm soát chi phí, kiểm soát đặc biệt là giá vốn hàng bán dẫn đến tỷ trọng chi phí này trên doanh thu thuần giảm từ 79,67% trong năm 2019 xuống còn 65,99% trong năm 2020. Các chỉ tiêu còn lại như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng vì tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp

nhưng Công ty vẫn duy trì các chính sách lương thưởng, phúc lợi, đảm bảo cuộc sống cho nhân viên. Ngoài ra, để sản phẩm đến được tay người tiêu dùng, đòi hỏi phải có một hệ thống phân phối hiệu quả cùng một đội ngũ bán hàng, tiếp thị chuyên nghiệp. Vì vậy, các chỉ tiêu trên có xu hướng tăng là điều không tránh khỏi. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn mang lại kết quả tích cực, khả quan.

## 10.2. Tài sản

### 10.2.1. Tình hình tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và 30/9/2021

**Bảng 12. Tài sản cố định Công ty mẹ thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chi tiêu	31/12/2020			31/12/2021		
	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>6.533</b>	<b>(436)</b>	<b>6.097</b>	<b>9.871</b>	<b>(811)</b>	<b>9.060</b>
<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>6.533</i>	<i>(436)</i>	<i>6.097</i>	<i>6.533</i>	<i>(659)</i>	<i>5.874</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.338</i>	<i>(152)</i>	<i>3.186</i>
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.000</b>	<b>(212)</b>	<b>2.788</b>	<b>3.000</b>	<b>(272)</b>	<b>2.728</b>
<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>3.000</i>	<i>(212)</i>	<i>2.788</i>	<i>3.000</i>	<i>(272)</i>	<i>2.728</i>
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>42.210</b>	<b>(1.481)</b>	<b>40.729</b>	<b>62.300</b>	<b>(2.036)</b>	<b>60.264</b>
<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>20.000</i>	<i>-</i>	<i>20.000</i>	<i>40.090</i>	<i>-</i>	<i>40.090</i>

Chi tiêu	31/12/2020			31/12/2021		
	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa và vật kiến trúc	22.210	(1.481)	20.729	22.210	(2.036)	20.174

Nguồn: BCTC riêng năm 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Green+

**Bảng 13. Tài sản cố định hợp nhất thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020			31/12/2021		
	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>19.677</b>	<b>(4.181)</b>	<b>15.496</b>	<b>9.871</b>	<b>(811)</b>	<b>9.060</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	18.015	(3.213)	14.801	6.533	(659)	5.874
Máy móc thiết bị	377	(133)	243	-	-	-
Phương tiện vận tải	1.286	(835)	451	3.338	(152)	3.186
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.000</b>	<b>(212)</b>	<b>2.788</b>	<b>3.000</b>	<b>(272)</b>	<b>2.728</b>
Quyền sử dụng đất	3.000	(212)	2.788	3.000	(272)	2.728

Chi tiêu	31/12/2020			31/12/2021		
	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá/Chi phí	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Bất động sản đầu tư	42.210	-	40.729	62.300	(2.036)	60.264
Quyền sử dụng đất	20.000	-	20.000	40.090	-	40.090
Nhà cửa và vật kiến trúc	22.210	(1.481)	20.729	22.210	(2.036)	20.174

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Green+

**Bảng 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.697	19.697	97
Văn phòng Công ty tại Phước Kiến Nhà Bè (**)	19.600	19.600	-
Khác	97	97	97

Nguồn: BCTC riêng năm 2020 được kiểm toán và quý IV 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(\*\*): Đây là chi phí quyền sử dụng đất tại Xã Phước Kiến, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 10.2.2. Tình hình tài sản lớn thuộc sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

**Bảng 15. Tình hình tài sản lớn thuộc sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>		
	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	3.000	2.728
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>		
	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	6.533	5.874
<b>3</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		
	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2, Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng	42.210	40.174
	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 13 tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.	20.090	20.090
	<b>Tổng cộng</b>	<b>71.833</b>	<b>68.866</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

### 10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Công ty nhận định chỉ có một thị trường hoạt động theo khu vực địa lý.

### 10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong bối cảnh dịch Covid hoành hành trong năm 2020, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô kinh doanh, bố trí cho người lao động giảm việc làm hoặc thậm chí cắt giảm nhân sự, tuy nhiên đối với một số doanh nghiệp trong đó có Green+ vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Với sự nỗ lực phấn đấu và đoàn kết của tập thể CBCNV, dưới sự điều hành năng động, sáng tạo của Ban điều hành Công ty và hỗ trợ tối đa của HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ đã đạt được những kết quả trong năm 2020 như sau.

**Bảng 16. Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019 – 2021**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ suất lợi nhuận gộp	20,33%	34%	6,87%
Lợi nhuận trước thuế	4.812	11.760	53.485
Lợi nhuận sau thuế	3.709	10.086	42.375
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.637	10.069	38.480
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu hoạt động kinh doanh	5,51%	52,13%	7,52%
ROA	2,22%	5,76%	9,29%
ROE	2,6%	6,71%	9,86%

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

Các chỉ số lợi nhuận trên vốn và trên tổng tài sản năm 2020 đạt 6,71% và 5,76%. Các chỉ tiêu này đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2019. Điều này đã phản ánh được hiệu quả trong kinh doanh và nỗ lực cố gắng của Công ty trong bối cảnh khó khăn của giai đoạn vừa qua.

#### 10.5. Các hợp đồng lớn

**Bảng 17. Các hợp đồng lớn của Công ty**



Tên	Trị giá/năm (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ (*)
Hợp đồng mua bán	32.635.575.000	2019	2019	Thực phẩm chức năng	CÔNG TY TNHH TM SABINA	
Hợp đồng mua bán	21.681.823.800	2019	2019	Thực phẩm chức năng	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH CHỢ NÔNG SẢN THỦ ĐỨC	Cổ đồng lớn (**)
Hợp đồng mua bán	5.946.340.500	2019	2019	Thực phẩm chức năng	ĐÀO QUỐC VIỆT	
Hợp đồng mua bán	5.647.436.208	2019	2019	Thực phẩm chức năng	LÂM THỊ BÍCH TRÂM	
Hợp đồng mua bán	2.812.573.000	2019	2019	Thực phẩm chức năng	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	
Hợp đồng mua bán	31.998.487.500	2019	2019	Cao su	CÔNG TY CP THUDUC HOUSE WOOD TRADING	
Hợp đồng mua bán	2.755.723.908	2019	2019	Thực phẩm chức năng	SATO YAKUHIN KOGYO.CO.,LTD	
<b>Tổng</b>	<b>103.477.959.916</b>	<b>2019</b>	<b>2019</b>			
Hợp đồng mua bán	7.831.042.000	2020	2020	Thực phẩm chức năng	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH CHỢ NÔNG SẢN THỦ ĐỨC	Cổ đồng lớn (**)
Hợp đồng mua bán	3.145.410.000	2020	2020	Thực phẩm chức năng	NGUYỄN KHẮC GHI	

Tên	Trị giá/năm (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ (*)
Hợp đồng mua bán	1.966.010.000	2020	2020	Thực phẩm chức năng	LÂM THỊ BÍCH TRÂM	
Hợp đồng mua bán	1.739.200.000	2020	2020	Thực phẩm chức năng	NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CN BÌNH TÂY	
Hợp đồng mua bán	1.100.760.000	2020	2020	Thực phẩm chức năng	MÃ THÀNH ĐẠT	
Hợp đồng mua bán	4.640.533.660	2020	2020	Thực phẩm chức năng	SATO YAKUHIN KOGYO.CO.,LTD	
Hợp đồng mua bán	1.629.650.000	2020	2020	Nấm linh chi	CÔNG TY CP LINH CHI VINA	Công ty con (***)
Hợp đồng mua bán	835.689.920	2020	2020	Nhân sâm	GINSENG AND HERB CO-OP	
<b>Tổng</b>	<b>22.888.295.580</b>	<b>2020</b>	<b>2020</b>			
Hợp đồng quảng cáo	300.000.000	2021	2021	Ấn phẩm báo giấy và online	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	
Hợp đồng dịch vụ tư vấn	500.000.000	2021	2021	Dịch vụ tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. HCM	
Hợp đồng mua bán	397.320.000	2021	2021	Thực phẩm chức năng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	

Tên	Trị giá/năm (đồng)	Thời điểm kỳ kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ (*)
<b>Tổng</b>	<b>1.197.320.000</b>	<b>2021</b>	<b>2021</b>			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+)

#### 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

Khách hàng/ Nhà cung cấp lớn	Trị giá giao dịch/năm (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
CÔNG TY TNHH TM SABINA	32.635.575.000	2019-2021	Thực phẩm chức năng	
CÔNG TY CP THUDUC HOUSE WOOD TRADING	4.491.400.000	2019-2020	Cao su	
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH CHỢ NÔNG SẢN THỦ ĐỨC (**)	31.998.487.500	2019-2021	Thực phẩm chức năng	Cổ đông lớn
SATO YAKUHIN KOGYO.CO.,LTD	3.268.199.800	2019-2021	Thực phẩm chức năng	
LÂM THỊ BÍCH TRÂM	7.396.257.568	2019-2020	Thực phẩm chức năng	
ĐÀO QUỐC VIỆT	29.957.686.400	2019-2020	Thực phẩm chức năng	

Khách hàng/ Nhà cung cấp lớn	Trị giá giao dịch/năm (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
NGUYỄN THỊ THANH VÂN	6.363.320.298	2019-2020	Thực phẩm chức năng	
NGUYỄN KHẮC GHI	3.145.410.000	2019-2020	Thực phẩm chức năng	
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CN BÌNH TÂY	2562.920.000	2019-2021	Thực phẩm chức năng	
CÔNG TY CP LINH CHI VINA (***)	1.333.239.920	2019-2021	Nấm linh chi	Công ty con
GINSENG AND HERB CO-OP	1.100.760.000	2019-2021	Nhân sâm	
MÃ THÀNH ĐẠT	2.051.297.000	2019-2020	Thực phẩm chức năng	
<b>TỔNG</b>	<b>126.267.233.486</b>	<b>2019-2021</b>		

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(\*): Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cổ đông lớn của Công ty.

(\*\*): Hiện tại, Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức không còn là cổ đông lớn của Công ty.

(\*\*\*): Hiện tại, Công ty Cổ phần Linh Chi Vina không còn là Công ty con của Công ty.

#### 10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

##### Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện nay trên sàn chứng khoán có các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề với Green+ trong lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm, tuy nhiên không phải công ty nào cũng có quy mô về doanh thu hay vốn chủ sở hữu như Green+. Dưới đây là bảng so sánh một số công ty

cùng ngành có quy mô lớn tương tự hiện đang niêm yết cổ phiếu nhằm cung cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư:

**Bảng 19. Bảng so sánh với các công ty cùng ngành, cùng quy mô đã niêm yết**

Tên doanh nghiệp (Mã cổ phiếu)	Tổng tài sản tại 30/6/2021 (triệu đồng)	Số lượng CP tại 30/6/2021 (cổ phiếu)	Lợi nhuận trước thuế 6 tháng 2021	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 6 tháng 2021
Công ty cổ phần Tập đoàn Green+	444,963	32.000.000	33.089	24.802
Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex – VMD (HOSE)	6.827.757	15.440.268	25.960	18.826
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng – Ladophar – LDP (HNX)	188.237	12.703.167	(10.947)	(10.947)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây – DHT (HNX)	1.267.538	26.408.828	52.118	40.359
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – DBT (HOSE)	760.003	14.205.116	4.498	3.816

*Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 được kiểm toán của Green+ và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 soát xét của DHT, LDP VMD, DBT*

Thị trường tiêu thụ của Công ty ngày càng được mở rộng và đa dạng ở phạm vi trong nước. Hiện nay thị phần tính trên lĩnh vực sản xuất và phân phối sản phẩm của công ty vẫn còn thấp tuy nhiên kết quả hoạt động cũng rất có hiệu quả.

Ngành dược là một ngành sản xuất đặc biệt với sản phẩm đặc biệt, nhất là từ trước đến nay Việt Nam chưa cho phép các công ty nước ngoài được phân phối trực tiếp. Do đó, lợi thế lớn nhất của các Công ty hiện nay là hệ thống phân phối và không bị cạnh tranh của các đối thủ nước ngoài. Trong năm 2021, Công ty càng chú trọng và tập trung vào việc xây dựng, mở rộng hệ thống phân phối qua kênh nhà thuốc bên cạnh các chi nhánh, đại lý đã phát triển của Green+.

Bên cạnh đó, lợi thế của Green+ là công ty không chỉ thực hiện phân phối và hợp tác sản xuất các sản phẩm dược liệu và thảo dược có nguồn gốc nhập khẩu từ nước ngoài, Công ty còn có một đối tác cũng là doanh nghiệp đã có quá trình hoạt động hơn 30 năm, là nguồn sản xuất và cung ứng các sản phẩm nấm dược liệu cho Hệ thống phân phối Green+. Hiện nay, với đặc điểm các mặt hàng dược phẩm do Công ty Cổ phần Linh Chi Vina sản xuất chủ yếu dựa trên những nguồn nguyên liệu

được sử dụng là các loại nấm dược liệu trong đó, nấm Linh chi là mặt hàng sản xuất chủ lực do chính Công ty Cổ phần Linh Chi Vina trồng, vì vậy, Công ty luôn chủ động được nguồn nguyên liệu và kiểm soát tốt chi phí đầu vào của hoạt động sản xuất.

#### *Triển vọng phát triển của ngành*

Đại dịch Covid-19 đang gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về sức khỏe, kinh tế, xã hội và chính trị trên toàn thế giới. Hàng chục triệu người đã và sẽ còn có nguy cơ nhiễm bệnh, hàng trăm ngàn người tử vong ... và con số tử vong còn đang kéo dài. Khủng hoảng kinh tế, y tế và nhân đạo lan ra toàn cầu, các chính phủ vật lộn với cơn sóng dữ mà hệ lụy thì vô cùng lớn.

GDP toàn cầu chứng kiến phát triển âm, chuỗi cung ứng đứt gãy, các công ty phá sản, chứng khoán sụt giảm, thất nghiệp hàng loạt... các tổ chức uy tín như WHO cũng rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Bức tranh kinh tế toàn cầu âm ảm đó còn rất lâu mới phục hồi lại đà tăng trưởng như trước khi đại dịch Covid xảy ra.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thách thức lớn như kể trên, nền kinh tế vẫn có các điểm sáng ít bị ảnh hưởng thậm chí vẫn tăng trưởng dù tốc độ có chậm hơn như ngành Thực phẩm chức năng (TPCN), dược phẩm, thiết bị y tế (máy thở, sát khuẩn, đồ bảo hộ, khẩu trang, kit thử, vắc xin...). Sự bùng phát của đại dịch khiến cho nhu cầu về dược phẩm tăng đột biến, nhất là với các dòng sản phẩm có công dụng tăng cường sức đề kháng, đặc biệt là các dòng sản phẩm có thành phần tự nhiên từ thực vật. Vì vậy, các doanh nghiệp này có doanh thu thuần và lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ, có doanh nghiệp tăng trưởng đến ba con số so với cùng kỳ năm 2019.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, đời sống của con người ngày càng được cải thiện và nâng cao, ngành Thực phẩm chức năng đang và sẽ còn nhiều dư địa để phát triển mạnh mẽ. Theo dự đoán của Chủ tịch Hiệp hội Thực phẩm chức năng cho biết, ngành Thực phẩm chức năng đang hướng đến mục tiêu 70% dân số Việt Nam sẽ sử dụng loại thực phẩm đặc biệt này. Vì vậy, đây là cơ hội cho các công ty trong ngành đặc biệt là Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ bứt phá và tăng tốc.

#### *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.*

##### a. Định hướng phát triển của Công ty

- Với mục tiêu đem đến cho người dân Việt Nam những sản phẩm & dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất theo tiêu chuẩn quốc tế, Công ty không ngừng nỗ lực, sáng tạo và lựa chọn hợp tác với các nhà cung cấp hàng đầu trên thế giới như Hội Đồng Nhân Sâm Bang Wisconsin Hoa Kỳ, Công ty Dược phẩm Sato Yakuhin Kogyo (Nhật Bản) ... Ngoài ra, Công ty còn hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế tăng trưởng xanh – phát triển bền vững;

↘ Chiến lược của Công ty định hướng tập trung đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trở thành Tập đoàn chuyên ngành Dược phẩm lớn nhất Việt Nam. Ngày 24/04/2021 mới đây, Công ty vừa được UBND tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng Green+ có công suất 17.000 sản phẩm/năm được xây dựng trên diện tích 9.300m<sup>2</sup> tại KCN Giao Long, Bến Tre với tổng vốn đầu tư là 1.000.000 USD. Điều này càng khẳng định hơn định hướng trở thành Tập đoàn chuyên ngành Dược phẩm lớn nhất Việt Nam trong tương lai khi nghiêm túc đầu tư nhà máy, công nghệ để phục vụ sản xuất kinh doanh.

b. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành và xu thế chung trên thế giới.

↘ Định hướng của ngành dược ở Việt Nam:

Việt Nam là một quốc gia có dân số già hóa nhanh; thời kỳ “dân số vàng” Việt Nam hiện không còn dài; ước tính trong năm 2020 có khoảng 7,4 triệu dân trên 65 tuổi (7,9% dân số); thậm chí con số này dự tăng lên 9,5% đến năm 2025. Điều này cho thấy tiềm năng của ngành chăm sóc sức khỏe nói chung, cũng như dược phẩm nói riêng. Mặt khác, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng; đặc biệt là sự nổi lên của tầng lớp trung lưu, góp phần thúc đẩy chi tiêu gia tăng; bao gồm chi tiêu cho sức khỏe. Theo thống kê, mức độ chi tiêu bình quân đầu người Việt Nam dành cho thuốc từ 38 USD năm 2015 đã tăng lên khoảng 56 USD vào năm 2017; đồng thời dự báo sẽ được duy trì mức tăng ít nhất 14%/năm cho đến năm 2025, so với con số trung bình thế giới năm 2016 vào khoảng 147,4 USD/người. Dự địa tăng trưởng dồi dào, cùng với sự hỗ trợ về mức sống, cơ cấu dân số, ý thức bảo vệ bản thân gia tăng đã khiến toàn ngành Dược ở Việt Nam liên tục tăng trưởng nhiều năm gần đây.

Với sự bùng nổ của dịch Covid-19 trong nửa đầu năm 2020, ngày càng nhiều người tiêu dùng tỏ ra quan tâm hơn tới các sản phẩm thực phẩm chức năng tăng cường miễn dịch, sức đề kháng. Đây cũng là một sản phẩm tiêu biểu mà Công ty luôn tập trung phát triển sản xuất.

↘ Xu hướng chung trên thế giới:

Trong bối cảnh hiện nay, để cạnh tranh với dòng thuốc giá rẻ của Ấn Độ và Trung Quốc, nhiều công ty dược của Mỹ đã nhượng quyền sản xuất hoặc mua cổ phần các công ty dược ở những nước có thị trường dược chưa phát triển như Việt Nam, để có thể sử dụng lao động giá rẻ hơn, nhằm hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, Việt Nam được xem là điểm đến hấp dẫn để các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia thành lập cơ sở sản xuất, từ đó xuất sang các quốc gia khác. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư nước ngoài, các trang thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để Công ty phát triển sản xuất kinh doanh. Xa hơn nữa, Công ty có thể xuất khẩu sang các thị trường khác,

mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm, mang thương hiệu dược phẩm của Việt Nam đến mọi nơi trên thế giới.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới, với các chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

#### 10.8. Hoạt động Marketing

- Thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng, theo kế hoạch định kỳ hằng tháng, Green+ sẽ tổ chức hội thảo sức khỏe chuyên đề với sự hiện diện của các giáo sư ngành y dược, bác sĩ, dược sĩ tên tuổi để cung cấp kiến thức chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp cho mọi người. Đến nay, Green+ đã phối hợp với Bệnh viện Y học Cổ truyền TPHCM, Trường Đại học Y Dược TPHCM, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Hội Đông y Quận 5, Hội Đồng Nhân Sâm Bang Wisconsin Hoa Kỳ, Công ty Sato Yakuhin Kogyo (Nhật Bản), Công ty Thorakao, Công ty Cá Sấu Hoa Cà, Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam, Câu Lạc Bộ 120 tuổi
- Trong năm 2021, Công ty cũng triển khai các chương trình tài trợ cho hội thảo “Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 – Cơ hội & Thách thức” tại TPHCM ngày 27/03/2021, hội thảo “Thị trường chứng khoán Việt Nam 2021 – Sự lựa chọn đầu tư khôn ngoan tại TPHCM ngày 24/04/2021”...
- Ngoài ra, Green+ thành lập 5 Câu Lạc Bộ, bao gồm:
  - + Câu Lạc Bộ Các Nhà Kinh tế: Tư vấn kiến thức về kinh tế, tài chính, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hội viên.
  - + Quỹ Tấm Lòng Vàng: Hoạt động theo nhiều đề án
    - Đề án số 1: Chăm sóc và chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho dân nghèo hằng tháng. Thực hiện mỗi tháng tại 1 Huyện, Quận. Đối tác hợp tác cho chương trình này là Đại học Y Dược TPHCM, Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.
    - Đề án số 2: Tặng học bổng cho học sinh nghèo, học sinh giỏi toàn cấp học tỉnh Bến Tre và nhiều nơi khác.
    - Đề án số 3: Tài trợ chương trình trồng 10 triệu cây xanh tại Tỉnh Bến Tre (Tổng kinh phí vận động 5 năm 2021 - 2025 là 100 tỷ đồng).
    - Đề án số 4: Tài trợ 1.000 ca mổ tim với kinh phí dự kiến là 89 tỷ trong 5 năm.
 Và nhiều đề án khác...
  - + Câu Lạc Bộ 120 tuổi: Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi để nâng cao tuổi thọ.



- + Câu Lạc Bộ Thảo Dược Trị Liệu: Tập hợp các chuyên gia, bác sĩ, dược sĩ... để chia sẻ các kiến thức chuẩn mực, công dụng và cách dùng các loại thảo dược nhằm mang lại sức khỏe và sắc đẹp.
- + Câu Lạc Bộ Vì Chất Lượng Cuộc Sống: Hướng dẫn mọi người phương pháp kinh doanh, bán hàng online để có thêm thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

#### 10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

**Logo Công ty:**



Logo Công ty đã được đăng ký bảo hộ theo Giấy chứng nhận số 313676 cấp ngày 28/01/2019 bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam – Bộ Khoa Học và Công Nghệ.

Hiện nay, Công ty đã sở hữu và đang đăng ký thêm hàng trăm quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền cho từng sản phẩm được bán ra thị trường với thương hiệu chính là Green+.

#### 10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

##### ❖ Chính sách R&D tại Linh Chi Vina

- Điều tra sưu tầm tài nguyên nấm của Việt Nam, bao gồm nấm mọc hoang, nấm được di thực, nhập nội từ nước ngoài nhằm đánh giá nguồn tài nguyên quý giá này. Lưu trữ mẫu vật, nguồn gen cho các hoạt động nghiên cứu, sản xuất. Xây dựng bảo tàng nấm tại công ty;
- Tham gia các đề tài, dự án về nấm với tư cách chủ nhiệm hoặc phân biện trong Hội đồng khoa học; Tham dự các Hội nghị về nấm trong nước cũng như nước ngoài;
- Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng trọt các loại nấm dược liệu, các loại nấm ăn phù hợp với điều kiện sinh lý sinh trưởng và phát triển của từng loài nấm; hình thành các ấn phẩm nghiên cứu như sách, báo về nấm và các chủ đề liên quan đến nấm;
- Cung cấp các mẫu nấm chuẩn cho các đề tài nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu về thành phần hóa học, tác dụng dược lý... sử dụng trong thực phẩm và dược phẩm.

##### ❖ Chính sách R&D tại Sato Yakuhin

- Sato Yakuhin đang làm việc nhanh chóng, linh hoạt và cẩn thận trên tất cả các chủ đề với hệ thống phát triển dành riêng cho một nhà sản xuất dược phẩm theo Hợp đồng với Tập đoàn Green+.

- Về hình thức Hợp đồng sản xuất các sản phẩm dược phẩm, được gọi là gia công phần mềm, đã trở nên sôi động hơn qua từng năm và nhiều nhà sản xuất đã tham gia.
- Một trong những thế mạnh của Sato Yakuhin Kogyo (SYK), là hệ thống nghiên cứu phục vụ cho việc phát triển hoàn thiện các sản phẩm của Tập đoàn Green+. Các hoạt động R&D có thể được chia thành: Chuyển giao công nghệ sản xuất theo hợp đồng và Phát triển các sản phẩm nội bộ.
- Trước đây, dựa trên công nghệ xây dựng và phương pháp thử nghiệm của nhà thầu, SYK tìm kiếm quy trình tối ưu về công nghệ và chi phí, lựa chọn mô hình sản xuất và đưa vào hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, phương pháp thứ hai là để đáp ứng các nhu cầu khác nhau bằng cách sử dụng đầy đủ các bí quyết phong phú và phát triển công nghệ bền vững bằng cách nghiên cứu phát triển độc lập, tập trung vào phát triển thuốc không kê đơn (OTC) và phát triển chung với các nhà sản xuất và công ty bán hàng.
- Những nỗ lực R & D của SYK dựa trên 40 năm kinh nghiệm trong sản xuất theo Hợp đồng là thế mạnh độc đáo của các nhà sản xuất khác như Tập đoàn Green+. Điều này có thể thực hiện được vì SYK là nhà sản xuất theo Hợp đồng có thể nắm bắt và phán đoán các sự kiện từ nhiều khía cạnh và giữ một môi trường làm việc ổn định đồng thời tiếp xúc với chính sách và lập trường phát triển của Tập đoàn Green+.
- Quy trình sản xuất theo hợp đồng
  - o *Bắt đầu sản xuất thương mại*
  - o *Hợp bộ phận sản xuất trước khi tiến hành*
  - o *Thẩm định các phương pháp thử nghiệm - thực tiễn*
  - o *Tiến hành sản xuất thử nghiệm quy mô nhỏ (phòng LAB)*
  - o *Ký kết hợp đồng ủy thác*
  - o *Xem xét kiểm tra chi phí gia công lô hàng*
  - o *Ký xác nhận công nghệ sản xuất*
  - o *Kiểm tra người gửi hàng*
  - o *Cam kết thỏa thuận báo mật*
- Sato Yakuhin Kogyo, nhà sản xuất gia công theo hợp đồng đầu tiên ở Nhật Bản nhận được giấy phép sản xuất các chế phẩm dạng rắn uống từ FDA Hoa Kỳ, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau. Với sự phát triển chính xác và có hệ thống, SYK đang đóng vai trò là một đối tác tốt cho Tập đoàn Green+.

❖ **Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

- Từ năm 2019 cho đến hiện tại, Công ty đã nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm mới và đã tiến hành đăng ký Công bố sản phẩm với Bộ y tế, cụ thể như sau:
  - o Uri Sukatto Green+: Chiết xuất từ quả cọ lùn và phần hoa. Công dụng hỗ trợ giúp giảm sự phát triển của u xơ tuyến tiền liệt, giúp giảm các biểu hiện rối loạn tiểu tiện do u xơ tuyến tiền liệt ở nam giới. Số giấy đăng ký 1773/2020/ĐKSP.
  - o Support Eye Clear Green+: Thành phần chính chiết xuất quả việt quất, chiết xuất lá bạch quả, rễ cọ, vitamin B1, Lutein, chiết xuất nho đen, Zeaxanthin, vitamin B12. Công dụng bổ sung Lutein, Zeaxanthin hỗ trợ sức khỏe mắt, giúp bảo vệ mắt. Số giấy đăng ký 10338/2020/ĐKSP.
  - o Kirehada Collagen Powder 100 Green+: Thành phần Collagen peptides (từ cá). Công dụng giúp bổ sung collagen cho cơ thể, hỗ trợ làm tăng độ đàn hồi cho da, giúp giữ ẩm cho da. Số giấy đăng ký 6267/2020/ĐKSP.
  - o Wisconsin Ginseng Green+: 100% nhân sâm nhập khẩu từ Wisconsin Hoa Kỳ. Ngoài sản phẩm nhân sâm nguyên chất đóng gói, Công ty còn đang nghiên cứu để hoàn thiện các dòng sản phẩm khác có liên quan như rượu sâm, cao sâm, sâm lát ngâm,...
  - o Glucosamin Premium Green+: Thành phần chiết xuất gà (có chứa imidazole peptide), chiết xuất sụn mũi cá hồi (có chứa proteoglycan), chiết xuất sụn vi cá mập (có chứa chondroitin), collagen peptide cá, phụ liệu. Công dụng giúp bổ sung dưỡng chất cho khớp, hỗ trợ làm trơn ổ khớp, giúp khớp vận động linh hoạt. Số giấy đăng ký 8102/2020/ĐKSP.
  - o Fermented Black Garlic Green+: Bột tỏi đen lên men, công dụng hỗ trợ tăng khả năng chống oxy hóa, giúp nâng cao sức khỏe và tăng cường sức đề kháng. Số giấy đăng ký 5629/2020/ĐKSP.
  - o Và còn nhiều dòng sản phẩm khác đang trong quá trình nghiên cứu.
- Việc không ngừng nghiên cứu và đưa ra thị trường các dòng sản phẩm hỗ trợ và bảo vệ sức khỏe mới liên tục, không chỉ giúp Công ty tăng doanh thu một cách bền vững mà còn ngày càng gia tăng độ nhận biết thương hiệu của Công ty, tạo tiền đề cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

## 10.11. Chiến lược kinh doanh

### 10.11.1. Xây dựng chuỗi cung ứng Trồng Trọt – Sản Xuất – Hệ Thống Nhà Thuốc



❖ **Xây dựng mới nhà máy, đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu**

Công ty cổ phần Tập đoàn Green+ đã và đang xúc tiến đầu tư phát triển vùng nguyên liệu tại Madagui, tỉnh Kom Tum, tỉnh Bến Tre để nghiên cứu, trồng nhiều loại thảo dược như: Năm Linh Chi, Sâm Ngọc Linh... Hiện tại, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận đầu tư và sẽ cho khởi công sớm Nhà máy Sản xuất Chế biến Linh Chi công nghệ cao Green+ tại tỉnh Bến Tre.

❖ **Nâng cao chất lượng sản phẩm:**

- Phát huy sáng kiến cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn người lao động đáp ứng nhu cầu phát triển
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, sử dụng nguyên liệu, máy móc, thiết bị công nghệ sạch.
- Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất.

❖ **Mở rộng hệ thống chuỗi phân phối:**

- Dự kiến trong khoảng thời gian 2021-2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ sẽ hoàn tất việc phát triển hệ thống chuỗi nhà thuốc phục vụ việc phân phối sản phẩm của Tập đoàn và các sản phẩm ngành Y-Dược khác. Dự kiến lên đến 250 nhà thuốc nằm tại các

điểm kinh doanh ngành được sầm uất, và thuộc sở hữu của Tập đoàn từ giấy phép đến cơ sở vật chất và bất động sản.

❖ **Gia tăng thị phần:**

- Nâng cao giá trị thương hiệu.
- Thúc đẩy nghiên cứu phát triển tăng trưởng thị phần bằng việc phát triển thêm các dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động và chương trình chăm lo sức khỏe cho cộng đồng, cung cấp kiến thức phòng chống bệnh dịch, sử dụng an toàn và hiệu quả các sản phẩm thông qua các phương tiện truyền thông, các buổi tọa đàm.

**10.11.2. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 05 năm 2021-2025:**

**Bảng 20. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty**

Kế hoạch Năm	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Số lượng nhà thuốc sở hữu	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	LNST/VĐL (%)
2021	320	20	200	38,4	12
2022	1.060	60	700	127	12
2023	3.000	120	360	360	12
2024	6.000	200	3.000	720	12
2025	12.000	250	6.000	1.440	12

*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**11. Chính sách đối với người lao động**

*Số lượng người lao động trong Công ty*

Cơ cấu người lao động trong Công ty giai đoạn từ năm 2019 đến nay như sau:

**Bảng 21. Cơ cấu người lao động Công ty giai đoạn 2019 - 2021**

Yếu tố	Năm 2019	Năm 2020	2021
Phân theo trình độ chuyên môn	34	37	42
Đại học và trên đại học	18	18	23

Yếu tố	Năm 2019	Năm 2020	2021
Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	08	08	08
Lao động phổ thông	08	11	11
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	<b>34</b>	<b>37</b>	<b>42</b>
Không xác định thời hạn	18	21	21
Có thời hạn	16	16	21

*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

### *Chế độ làm việc*

Công ty tổ chức làm việc 8h mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Ngoài ra, công ty có chính sách giờ làm việc linh hoạt với 3 khung giờ: 8h – 17h, 8h30 – 17h30, 9h-18h để tạo điều kiện làm việc thuận tiện và hiệu quả nhất cho nhân viên. Công ty có chính sách phù hợp đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của cán bộ nhân viên đối với Công ty.

### *Nghỉ phép, lễ, tết*

Cán bộ nhân viên toàn Công ty được nghỉ Lễ, Tết theo đúng Quy định của Luật lao động, các CBNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 14-20 ngày mỗi năm tùy theo cấp bậc, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Bên cạnh đó, công ty còn có các chính sách nhằm tăng thêm quyền lợi ngày nghỉ có hưởng lương trong năm cho CBNV như: 01 ngày nghỉ dịp sinh nhật, 03 ngày nghỉ ốm...

### *Điều kiện làm việc*

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc hiện đại cần thiết cho CBNV. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc trong từng phòng/ban của Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ nhân viên trong thời gian sớm nhất.

### *Chính sách tuyển dụng*

Công ty dành các chế độ tốt nhất về lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ thỏa đáng khác đối với các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển nhằm tạo sự khuyến khích và tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc.

Trong bối cảnh nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng cạnh tranh, việc đổi mới trong công tác tìm kiếm nhân sự là rất quan trọng. Trong năm 2021, Công ty sẽ thực hiện các nghiên cứu bên trong và bên ngoài Công ty để xây dựng chương trình Định vị giá trị nhân viên (Employee Value Proposition – EVP), chương trình này sẽ giúp phác thảo nên tính độc đáo của Công ty, những điều mà các nhân viên hiện nay và trong tương lai có thể mong đợi như cơ hội nghề nghiệp, các khía cạnh văn hóa và con người của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty dự định ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào tuyển dụng, điều này sẽ tác động tích cực đến quy trình tuyển dụng của Công ty vì cho phép quản lý hiệu quả thông tin nguồn ứng viên, tuyển chọn và kết nối ứng viên phù hợp cho các vị trí.

#### *Chính sách đào tạo*

Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua việc tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đa dạng nghiệp vụ tại các đơn vị đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Nhằm liên tục nâng cao chất lượng nhân sự, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo nội bộ trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho các CBNV.

#### *Chính sách lương thưởng và trợ cấp*

Chính sách lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của từng cán bộ nhân viên, đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của Pháp luật phù hợp với năng lực, trình độ của từng người, đảm bảo tính cạnh tranh đối với các Công ty khác cùng ngành. Thu nhập của người lao động là tổng hợp lương cơ bản, lương kinh doanh và các khoản thưởng khác tùy theo cống hiến của người lao động. Trong đó, lương cơ bản được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm đối với từng vị trí công việc. Lương kinh doanh được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và sự đóng góp của từng Người lao động vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

#### *Chính sách thưởng*

Quy định khen thưởng áp dụng với toàn thể CBNV có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của Công ty. Chính sách thưởng được áp dụng như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty,
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo quy chế lương của Công ty).
- Được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu công việc.
- Được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như tham gia mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty, đi du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong

từng thời kỳ.

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã có ảnh hưởng tiêu cực lên tất cả các nền kinh tế tiên tiến, tuy nhiên, trong bối cảnh đó, Công ty vẫn thực hiện việc phân tích đánh giá công việc nhằm duy trì mức lương cạnh tranh cho nhân viên Công ty. Việc xét duyệt đánh giá thành tích cá nhân dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, việc xem xét chính sách lương, chương trình khuyến khích và thưởng thành tích vẫn được thực hiện đầy đủ trong năm tài chính 2020.

#### *Trợ cấp, bảo hiểm và phúc lợi*

Công ty thực hiện trích nộp đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Công đoàn công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống hàng ngày của CBNV. Hàng năm, Công ty tổ chức cho toàn thể CBNV được đi du xuân đầu năm và nghỉ mát mùa hè tại các khu du lịch cao cấp trong nước. Các hoạt động của Công ty và công đoàn Công ty là các hoạt động tích cực gắn kết người lao động trong Công ty xây dựng lên một Công ty vững mạnh.

Năm 2020, Chương trình chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm được xây dựng trên chương trình hàng năm và cập nhật thêm những ưu điểm mới, đồng thời, chương trình bảo hiểm sức khỏe còn hướng đến việc bảo vệ sức khỏe người lao động một cách toàn diện, bao gồm cả những rủi ro liên quan đến diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Các phúc lợi được pháp luật quy định nhằm đảm bảo nhu cầu phòng vệ cơ bản cho người lao động như các phúc lợi xã hội bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe hoặc chương trình khám sức khỏe định kỳ. Bên cạnh các chương trình phúc lợi hàng năm, Công ty cũng chủ động cung cấp các lợi ích tốt hơn cho nhân viên nhằm thu hút và giữ chân nhân tài của công ty như chương trình bảo hiểm tai nạn và nhân thọ hàng năm, bao gồm bảo hiểm tai nạn, nhân thọ, chăm sóc sức khỏe, kiểm tra sức khỏe hàng năm nhằm đảm bảo sức khỏe cho nhân viên; xây dựng các chính sách nghỉ phép; khung thời gian làm việc linh hoạt.

*Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: Chưa có*

#### **12. Chính sách cổ tức**

Từ năm 2021, Công ty có chủ trương chi trả một mức cổ tức hợp lý trong phạm vi lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mức cổ tức được chi trả đảm bảo cân đối giữa lợi ích trước mắt của các cổ đông và lợi ích lâu dài (phần để lại để bổ sung vốn kinh doanh). Cổ tức cụ thể trả hàng năm, do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Bảng 22. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2019 – 2020**

Năm	Năm 2019	Năm 2020
-----	----------	----------



Tỉ lệ trả cổ tức

Không có

Không có

*Nguồn: CTCP Tập đoàn Green+*

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành  
Không có.
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán  
Không có.
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích  
Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

**Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm 2019-2020	Năm 2021
Tổng tài sản	150.711	162.400	7,76%	411.221
Doanh thu thuần	63.242	17.113	(72,94%)	11.178
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.027	6.915	37,56%	20.119
Lợi nhuận khác	(370)	4.871	(1.416,49%)	(719)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.656	11.786	153,14%	19.400

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm 2019-2020	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế	3.600	10.122	181,17%	15.107
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc	0%	0%	-	0%
Ti lệ trả cổ tức	0%	0%	-	0%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+)

**Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm 2019-2020	Năm 2021
Tổng tài sản	163.204	174.785	7,10%	456.197
Doanh thu thuần	66.032	19.316	(70,75%)	563.310
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.227	6.889	31,80%	54.205
Lợi nhuận khác	(415)	4.871	(1.273,73%)	(719)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.812	11.760	144,39%	53.485
Lợi nhuận sau thuế	3.709	10.086	171,93%	42.375
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.637	10.069	176,85%	38.480
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc	0%	0%	-	0%
Ti lệ trả cổ tức	0%	0%	-	0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Tổng tài sản năm 2020 khoảng 175 tỷ đồng, với mức vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31/03/2021, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 320 tỷ đồng, chủ yếu để đầu tư vào các mục đích phát triển hệ thống phân phối thông qua kênh nhà thuốc mang thương hiệu Green+. Bên cạnh đó, năm 2020 cũng là năm công ty có sự chuyển dịch trong cơ cấu hoạt động kinh doanh, theo đó, Công ty lại tập trung để phát triển mảng sản xuất và phân phối sản phẩm dược liệu và thảo dược, mang lại hiệu quả và lợi nhuận vượt trội hơn so với các năm trước.

Trong năm 2021, tuy tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp và khó lường, nhưng kết quả kinh doanh của Công ty đã mang lại kết quả vượt mong đợi. Cụ thể, các chỉ tiêu quan trọng như doanh thu thuần và lợi nhuận đều ghi nhận những kết quả tích cực, doanh thu thuần đạt hơn 563,3 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt hơn 54,2 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh tích cực thể hiện sự linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo và điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, khả năng quản trị rủi ro và chủ động thích ứng trước những biến đổi khó lường của nền kinh tế toàn cầu.

**- Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019:**

*"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất"*

**- Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020:**

*"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động"*

## 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

- **Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2019, năm 2020 và năm 2021**
  - Năm 2020 và 2021 vừa qua là một năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch covid-19. Tuy nhiên, cũng có một số lĩnh vực ít bị ảnh hưởng thậm chí vẫn tăng trưởng dù tốc độ có chậm hơn. Trong đó, lĩnh vực sản xuất và phân phối dược liệu và thảo dược của công ty cũng đã ghi nhận được những kết quả tích cực hơn trong lĩnh vực này, dù doanh thu và lợi nhuận của Công ty có sự sụt giảm lớn so với cùng kỳ năm 2019, nhưng hiệu quả hoạt động của Công ty đã được cải thiện tích cực.

- GDP toàn cầu chứng kiến phát triển âm, chuỗi cung ứng đồ gậy, các công ty phá sản, chứng khoán sụt giảm, thất nghiệp hàng loạt... các tổ chức uy tín như WHO cũng rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Bức tranh kinh tế toàn cầu ảm đạm đó còn rất lâu mới phục hồi lại đà tăng trưởng như trước khi đại dịch Covid xảy ra. Điều này cũng có tác động không nhỏ đến một trong các hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm vừa qua và dẫn đến việc chuyển dịch cơ cấu doanh thu đáng kể.
- Trong năm 2019, việc các doanh nghiệp sản xuất TPCN phải đạt GMP đã giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng uy tín trong cộng đồng, tuy nhiên cũng làm tăng chi phí cho các công ty trong ngành được nói chung và Green+ nói riêng.
- **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính**
  - Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội nói chung. Yếu tố này cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến biến động hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - Thực hiện việc tăng vốn thành công sẽ giúp gia tăng năng lực tài chính cũng như khả năng cạnh tranh của Công ty trong mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả và củng cố vị thế cho Công ty trên thị trường.
  - Dịch Covid-19 được coi là một lời nhắc nhở, khiến người tiêu dùng nhận thức rõ sức khỏe có thể thay đổi bất kỳ lúc nào. Do đó, ngày càng nhiều người tìm tới các sản phẩm giúp tăng cường miễn dịch để chuẩn bị tốt hơn trước nguy cơ bệnh tật. Nhiều nghiên cứu thị trường đã chỉ ra rằng, có tới hơn 50% người tiêu dùng cho biết họ dùng nhiều thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung hơn để hỗ trợ sức khỏe miễn dịch trong năm 2020 và 2021

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

**Bảng 25. Chỉ tiêu của Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn điều lệ	120.000	120.000	320.000

Vốn chủ sở hữu	127.271	137.393	392.499
----------------	---------	---------	---------

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 26. Chỉ tiêu hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn điều lệ	120.000	120.000	320.000
Vốn chủ sở hữu	139.944	150.029	429.768

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

Kể từ ngày 01/06/2016, Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 1301009978 với số vốn điều lệ đăng ký là 24 tỷ đồng cho đến nay, Công ty đã thực hiện 04 (bốn) đợt tăng vốn lên 320.000.000.000 đồng.

#### 2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

**Bảng 27. Thời gian khấu hao TSCĐ**

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50 năm
Bán quyền, bằng sáng chế	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	40 năm

*(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Green+)*

#### 2.1.3. Mức lương bình quân (so sánh với mức lương bình quân của các DN khác cùng ngành trong cùng địa bàn)

**Bảng 28. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty**

Năm	2019	2020	2021
<b>Thu nhập bình quân</b> (đồng/người/tháng)	13.300.000	13.400.000	13.500.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Green+)

#### 2.1.4. Tình hình công nợ

**Bảng 29. Tình hình công nợ Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

Năm	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng/giảm	31/12/2021
Nợ phải thu	43.317	47.120	8,78%	78.261
Nợ phải trả	23.440	25.008	6,69%	18.721

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

**Bảng 30. Tình hình công nợ hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

Năm	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng/giảm	31/12/2021
Nợ phải thu	56.639	56.215	(0,75%)	173.075
Nợ phải trả	23.260	24.756	6,43%	26.429

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

#### 2.1.5. Các khoản phải thu

**Bảng 31. Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>42.599</b>	<b>46.477</b>	<b>77.617</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.087	6.952	6.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	764	1.293	52.662

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu khác	36.748	38.523	18.603
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(291)	(291)
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>718</b>	<b>643</b>	<b>643</b>
Phải thu dài hạn khác	718	643	643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.317</b>	<b>47.120</b>	<b>78.261</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 32. Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>55.811</b>	<b>55.572</b>	<b>172.432</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.139	6.977	6.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.522	1.293	55.662
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	40.000
Các khoản phải thu khác	48.201	47.593	70.418
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51)	(291)	(291)
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>828</b>	<b>643</b>	<b>643</b>
Phải thu dài hạn khác	828	643	643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.639</b>	<b>56.215</b>	<b>173.075</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

#### 2.1.6. Các khoản phải trả

📌 Chi tiết số dư các khoản phải trả

**Bảng 33. Khoản phải trả Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>4.954</b>	<b>9.351</b>	<b>18.721</b>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn:	2.714	7.057	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	4.343	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.714	2.714	-
Phải trả người bán ngắn hạn	476	323	294
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.658	1.855	4.439
Các khoản phải trả người lao động	-	14	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	25	17	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	21	85	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	60	-	13.989
<b>Nợ dài hạn phải trả</b>	<b>18.487</b>	<b>15.656</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	451	335	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18.036	15.321	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.440</b>	<b>25.008</b>	<b>18.721</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 34. Khoản phải trả hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*



CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>4.773</b>	<b>9.100</b>	<b>26.429</b>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn (***)	2.714	7.057	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	4.343	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.714	2.714	-
Phải trả người bán ngắn hạn	91	-	294
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	3.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.720	1.867	9.144
Các khoản phải trả người lao động	102	14	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	58	47	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	21	85	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	67	30	13.992
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>18.487</b>	<b>15.656</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	451	335	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (***)	18.036	15.321	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.260</b>	<b>24.756</b>	<b>26.429</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

(\*\*\*) : Chi tiết các khoản vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

Chi tiêu	Số dư (triệu đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.343			

Chỉ tiêu	Số dư (triệu đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Tây	4.343	03/01/2021	6,84% - 7,2%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre  Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM  Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng  Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>18.036</b>	<b>15.321</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Tây	15.000	Từ 26/03/2021 đến 26/03/2028	8,7% - 10,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre  Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1

Chỉ tiêu	Số dư (triệu đồng)	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
				KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
				Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Tây	3.036	Từ 26/03/2021 đến 26/03/2025	8,7% - 11,1%	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

#### ➤ Tình hình thanh toán các khoản nợ

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

#### 2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Bảng 35. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.057	1.664	4.293

Thuế thu nhập cá nhân	91	31	146
Thuế giá trị gia tăng	511	160	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.658</b>	<b>1.855</b>	<b>4.439</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

**Bảng 36. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước hợp nhất giai đoạn 2019 – 2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.094	1.673	11.110
Thuế thu nhập cá nhân	115	34	151
Thuế giá trị gia tăng	511	160	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.720</b>	<b>1.867</b>	<b>11.261</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

#### 2.1.8. Trích lập các quỹ

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận.

Số dư trích lập các quỹ theo luật định trong 02 năm 2019 và 2020 tại Công ty là bằng 0.

#### 2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có căn cứ rõ

Không có.

#### 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
--------------	-------------	----------	----------

##### 1. Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	10,23	7,93
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	9,88	7,50
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,16	0,15
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,18	0,18
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	lần	0,42	0,11
- Vòng quay vốn lưu động [Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân]	lần	1,42	0,27
- Vòng quay hàng tồn kho [Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	lần	33,72	3,82
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) [Hệ số LNST/Doanh thu thuần]	%	5,69	59,15
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) [LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân]	%	2,87	7,65
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,37	6,47

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
[LNST/Tổng tài sản bình quân]			

Nguồn: BCTC riêng năm 2019 và năm 2020 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

**Bảng 38. Các chỉ tiêu tài chính Hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLD/Nợ ngắn hạn]	lần	14,79	10,44
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	13,14	9,29
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,14	0,14
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,17	0,17
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	lần	0,40	0,12
- Vòng quay vốn lưu động [Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân]	lần	1,03	0,24
- Vòng quay hàng tồn kho [Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	lần	7,47	1,47
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	5,51	50,14

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
[Hệ số LNST/Doanh thu thuần]			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,89	7,58
[LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân]			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,22	5,96
[LNST/Tổng tài sản bình quân]			
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	303	839

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 và năm 2020 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020, tổng tài sản của Công ty được duy trì mức tăng trưởng tương đối ổn định và đạt 174,8 tỷ đồng năm 2020.

Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty luôn duy trì tại mức rất cao. Tăng trưởng tài sản được tài trợ bởi tăng các khoản nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, Công ty cũng không phụ thuộc vào nợ vay, chủ yếu dùng vốn chủ sở hữu để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh của chính mình.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty được cải thiện một cách mạnh mẽ trong năm 2020, chủ yếu là do Công ty tập trung vào mảng hoạt động sản xuất và phân phối dược liệu và thảo dược nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn cho Công ty. Kết quả là, năm 2020, chỉ số ROE và ROA của Công ty lần lượt là 7,58% và 5,96%.

### 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019:

*"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất"*

- Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020:

*"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu"*

chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động”.

#### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

##### 4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021 của Công ty

**Bảng 39. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (triệu đồng)	Năm 2021	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2020
Doanh thu thuần	19.316	200.000	935%
Lợi nhuận trước thuế	11.760	48.000	308%
Lợi nhuận sau thuế	10.086	38.400	281%
Vốn điều lệ (*)	120.000	320.000	167%
Vốn chủ sở hữu (*)	150.029	390.000	160%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	52,21%	19,2%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (*) (%)	8,4%	12%	-
Cổ tức (%)	0%	12%	-

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ - Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên; Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty.*

##### 4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Green+ quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 2021 nêu trên, với mục tiêu trở thành Tập đoàn chuyên ngành Dược phẩm trong top 5 của Việt Nam đến năm 2030. Định hướng kế hoạch của Công ty trong thời gian sắp tới cụ thể như sau:

- Năm 2021, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh việc kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Green+ Nhật Bản với dự kiến hơn 30 mặt hàng. Đây là các sản phẩm Công ty hợp tác với



Công ty Sato Yakuhin Kogyo Co., Ltd – Nhật Bản để sản xuất. Doanh thu đối với hoạt động này dự kiến vào khoảng 20 tỷ đồng và đem về lợi nhuận 07 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Stt	Kênh bán hàng	Kế hoạch 2021	
		Phát triển điểm bán năm 2021 (điểm)	Doanh số 2021 (VND)
<b>1</b>	<b>KÊNH BÁN LẺ OTC</b>	<b>120</b>	<b>10.000.000.000</b>
1.1	Nhà thuốc	100	10.000.000.000
1.2	Phòng khám, spa (chưa có doanh thu)	20	-
<b>2</b>	<b>KÊNH ĐẠI LÝ BÁN SỈ</b>	<b>5</b>	<b>2.200.000.000</b>
2.1	Đại lý bán sỉ/bán buôn Chợ Dược...	5	2.200.000.000
<b>3</b>	<b>KÊNH ĐẠI LÝ BÁN LẺ KHÁC</b>	<b>20</b>	<b>1.000.000.000</b>
3.1	Đại lý online	5	400.000.000
3.2	Đại lý cá nhân/tổ chức khác	15	600.000.000
<b>4</b>	<b>PHÒNG KINH DOANH KHAI THÁC TRỰC TIẾP (GỒM CÁC CỬA HÀNG GREEN+)</b>		<b>6.800.000.000</b>
4.1	Bán hàng quà tặng Doanh nghiệp		3.500.000.000
4.2	Bán sỉ - lẻ trực tiếp		2.500.000.000
4.3	Bán online (qua website www.thaoduocxanh.vn và các trang mạng xã hội như facebook,...)		800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>145</b>	<b>20.000.000.000</b>

- Tăng cường đầu tư và phát triển các mạng hoạt động thông qua công ty con và công ty liên kết của Green+;

- + Công ty CP Organic Tiên Thịnh dự kiến mức doanh thu kế hoạch vào khoảng 200 tỷ đồng và đem lại lợi nhuận 15 tỷ đồng. Hoạt động chủ yếu của Công ty CP Organic Tiên Thịnh sẽ tập trung vào việc kinh doanh/phân phối các sản phẩm phân bón.
- + Công ty CP Quản lý nhà thuốc và phòng khám Green+ đặt kế hoạch doanh thu năm 2021 vào khoảng 02 tỷ đồng và dự kiến sẽ đem lại lợi nhuận từ năm 2022, và đạt tối đa khi hoàn thiện với hệ thống 250 nhà thuốc Green+. Đây là hoạt động mở rộng chuỗi nhà thuốc để chủ yếu kinh doanh các sản phẩm chuyên biệt của Green+ và một số sản phẩm chọn lọc ngành dược khác. Hoạt động này không chỉ mang đến nguồn thu thập lớn trong tương lai mà còn là hoạt động nhằm mang tính quảng bá, đưa thương hiệu Green+ đến gần hơn với người tiêu dùng và nâng cao tính nhận diện thương hiệu cho Công ty. Kế hoạch năm 2021 không có lãi/lỗ phát sinh, chi tiết như sau:

**Năm 2021**

- 20 nhà thuốc theo 3 dạng: nhận sang nhượng (4 nhà thuốc), xây dựng mới (4 nhà thuốc) và kết nạp làm thành viên (12 nhà thuốc).
- 1 phòng khám đa khoa dưới hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết.

**Năm 2022**

- 80 nhà thuốc theo 3 dạng: nhận sang nhượng, xây dựng mới và kết nạp làm thành viên.
- 4 phòng khám đa khoa dưới hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết.

STT	Nội dung	Thành tiền	Số lượng nhà thuốc	Kế hoạch doanh số 2021 (VND)
<b>1</b>	<b>Nhà thuốc nhận sang nhượng</b>	<b>(113.000.000)</b>	<b>8</b>	<b>(904.000.000)</b>
	Chi phí nhận sang nhượng	(180.000.000)		
	Chi phí thủ tục, hồ sơ	(23.000.000)		
	Chi phí dự trù	(10.000.000)		
	Phí chuyển nhượng kinh doanh	100.000.000		
<b>2</b>	<b>Nhà thuốc xây dựng mới</b>	<b>(142.500.000)</b>	<b>4</b>	<b>(570.000.000)</b>
	Chi phí xây dựng mới	(210.000.000)		
	Chi phí thủ tục, hồ sơ	(20.500.000)		

Chi phí dự trù	(12.000.000)		
Phí chuyển nhượng kinh doanh	100.000.000		
<b>3 Nhà thuốc thành viên</b>	<b>55.000.000</b>	<b>28</b>	<b>1.540.000.000</b>
Chi phí bán hiệu, trang trí	(20.000.000)		
Chi phí dự trù	(5.000.000)		
Phí kết nạp thành viên	80.000.000		
<b>Tổng cộng</b>		<b>40</b>	<b>66.000.000</b>

- + Máng kinh doanh bất động sản của Công ty cổ phần phát triển Đồng Khởi cũng kỳ vọng mang về 10 tỷ lợi nhuận từ việc đầu tư dự án và mua si bán lẻ bất động sản.
- Bên cạnh đó, doanh thu kế hoạch từ hoạt động đầu tư tài chính của Công ty dự kiến vào khoảng 90 tỷ và đem lại lợi nhuận khoảng 24,5 tỷ đồng
- Kế hoạch chia cổ tức: 12%

#### 4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho HSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tình hình thị trường được phẩm, thực phẩm chức năng. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ cung cấp, thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.*

## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 01/06/2016, tính đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn 03 năm, nên các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

**Bảng 40. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 01/05/2021**

Stt	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Đức Thành	079055002053	259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP.HCM	11.693.000	36,54%
2	Nguyễn Thị Thanh Loan	023411640	289/49A Bến Vân Đồn, P 2, Q 4, Tp HCM	6.000.000	18,75%
3	Đặng Bích Vân	079180007307	259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP.HCM	3.600.000	11,25%
4	Huỳnh Kỳ Trân	022642720	247 Bis CMT8, P. 4, Q. 3. Tp. HCM	2.000.000	6,25%

Stt	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
5	Mã Thành Đạt	025877457	380/14/4 KPI, P. Tân Hưng, Q.7, Tp.HCM	2.116.500	6,61%
<b>Tổng cộng</b>				<b>25.409.500</b>	<b>79,40%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 01/05/2021)

### 2.1. Ông Đặng Đức Thành

- Năm sinh: 1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 15.913.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,73% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày 01/05/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	<b>Ông Đặng Đức Thành</b>		11.693.000	36,54%	11.693.000	36,54%
2	Đặng Bích Vân	Con	3.600.000	11,25%	3.600.000	8,65%
3	Đặng Bích Hồng	Con	410.000	1,28%	410.000	0,99%
4	Đặng Đức Trung	Con	200.000	0,63%	200.000	0,48%
5	Đặng Thị Minh Tuyết	Em	10.000	0,03%	10.000	0,02%

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty:

STT	Loại giao dịch	Giá trị (VND)	Cấp phê duyệt
-----	----------------	---------------	---------------

1	Nhận vốn góp	58.800.000.000	Tổng Giám đốc
2	Chi hộ	73.800.000	Tổng Giám đốc
3	Chi hộ	4.583.333	Tổng Giám đốc

*Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2021 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+*

- Lợi ích liên quan với Công ty: Như mục VI/3/3.1
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 6.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,75% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày 01/05/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan		6.000.000	18,75%	6.000.000	14,42%

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 2.3. Bà Đặng Bích Vân

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 15.903.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,7% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày 01/05/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bà Đặng Bích Vân		3.600.000	11,25%	3.600.000	8,65%
2	Ông Đặng Đức Thành	Bố	11.693.000	36,54%	11.693.000	28,11%
3	Đặng Bích Hồng	Em	410.000	1,28%	410.000	0,99%
4	Đặng Đức Trung	Em	200.000	0,63%	200.000	0,48%

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty:

STT	Loại giao dịch	Giá trị (VND)	Cấp phê duyệt
1	Nhận vốn góp	39.000.000.000	Tổng Giám đốc
2	Bán hàng hóa	13.078.727	Tổng Giám đốc

- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

#### 2.4. Ông Huỳnh Kỳ Trân:

- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 2.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,25% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày 01/05/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)

1	<b>Ông Huỳnh Kỳ Trân</b>		2.000.000	6,25%	2.000.000	4,81%
---	--------------------------	--	-----------	-------	-----------	-------

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

#### 2.5. Ông Mã Thành Đạt

- Năm sinh: 1999
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 2.116.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,61% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày 01/05/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)

1	<b>Ông Mã Thành Đạt</b>		2.116.500	6,61%	2.116.500	5,08%
---	-------------------------	--	-----------	-------	-----------	-------

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có



## 3. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

## 3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

## ❖ Ông Đặng Đức Thành – Chủ tịch HĐQT

- Họ tên: Đặng Đức Thành
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/04/1955
- Số CCCD: 079055002053 ngày cấp 18/04/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiểu Động, Bình Lục, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 259A Trần Xuân Soạn, Tân Kiểng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 1980 – 1984: Cán bộ Phòng tài chính Huyện Nhà Bè
  - 1985 – 1992: Phó giám đốc Công ty Vật tư kỹ thuật huyện Nhà Bè
  - 1993 – 2001: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM Tiến Thịnh
  - 2002 – 2006: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển nhà HAGL
  - 2006 – 2017: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước

- 2017 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thảo Dược Xanh (Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+)
- 2017 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na
- o Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Green+
- o Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na
  - Ủy viên BCH Phòng thương mại & công nghiệp Việt Nam – VCCI (Tổ chức phi lợi nhuận)
  - Chủ nhiệm CLB các nhà kinh tế (Tổ chức phi lợi nhuận)
  - Chủ tịch Quỹ đầu tư khởi nghiệp tỉnh Bến Tre (Tổ chức phi lợi nhuận)
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 11.693.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,54%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.693.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,54%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 4.220.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,19%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lâm Thị Thanh Bích	079157004591	0	0
2	Đặng Bích Vân	079180007307	3.600.000	11,25%
3	Đặng Đức Trung	079082006591	200.000	0,63%
4	Đặng Bích Hồng	079185010743	410.000	1,28%
5	Nguyễn Thị Thu Hằng	045182000129	0	0
6	Đặng Thị Minh Tuyết	020967264	10.000	0,03%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:  
Như mục VI/2/2.1
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	25	600	50	0	0	0
2020	82	600	50	0	0	0

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Bà Lâm Thị Diệu Hương – Thành viên HĐQT**

- o Họ tên: Lâm Thị Diệu Hương
- o Giới tính: Nữ
- o Ngày tháng năm sinh: 02/06/1982
- o Số CMND: 023366568 ngày cấp 16/04/2009 Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Nghệ An
- o Địa chỉ thường trú: 276/41/2 Tân Hòa Đông, Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- o Trình độ học vấn: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
- o Quá trình công tác:
  - 2013 – nay: Kế toán trưởng Trường mầm non Ngôi Nhà Mơ Ước
  - 2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

- o Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- o Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Kế toán trưởng Trường mầm non Ngôi Nhà Mơ Ước
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 523.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,63%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 523.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,63%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lâm Thành Xuân	022146943	0	0%
2	Nguyễn Thị Kim Chi	021505834	0	0%
3	Trần Liêm Chính	079078003352	0	0%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	20	-	-	-	-	-
2020	40	-	-	-	-	-

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Bà Đặng Bích Hồng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- o Họ tên: Đặng Bích Hồng
- o Giới tính: Nữ
- o Ngày tháng năm sinh: 06/01/1985
- o Số CMND: 079185010743 ngày cấp 24/10/2017 Nơi cấp: CCS ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư.
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Hà Nam
- o Địa chỉ thường trú: 259 A Trần Xuân Soạn, Tân Kiểng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- o Trình độ học vấn: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- o Quá trình công tác:
  - 2007-2012 Dream House Garden Corp - Chủ tịch kiêm tổng Giám đốc
  - 2012-2016 Dream house Corp. - Trợ lý Tổng Giám Đốc
  - 2016-nay Công ty CP Tập Đoàn Green+ - Giám Đốc Phát triển Thị trường
  - 01/2021-nay Công ty CP Tập Đoàn Green+ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
  - 03/2021-nay Công ty CP Tập Đoàn Green+ - Tổng giám đốc
- o Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- o Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 410.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,28%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 410.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,28%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 15.493.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 48,42%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Đức Thành	079055002053	11.693.000	36,54%
2	Lâm Thị Thanh Bích	079157004591	0	0
3	Đặng Bích Vân	079180007307	3.600.000	11,25%
4	Đặng Đức Trung	079082006591	200.000	0,63%
5	Nguyễn Thị Thu Hằng	045182000129	0	0

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

STT	Loại giao dịch	Giá trị (VND)	Cấp phê duyệt
1	Tạm ứng	18.000.000.000	Tổng Giám đốc
2	Hoàn tạm ứng	18.000.000.000	Tổng Giám đốc
3	Chi hộ	1.375.000	Tổng Giám đốc

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	-	180	15	-	-	-

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2020	-	180	15	-	-	-

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 3.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đặng Bích Hồng	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Quốc Việt	Kế toán trưởng

❖ Bà Đặng Bích Hồng – TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc (Như trên)

❖ Ông Nguyễn Công Thành – Phó Tổng Giám đốc

- o Họ tên: Nguyễn Công Thành
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 21/07/1951
- o Số CCCD: 024749445 ngày cấp 21/02/2008 Nơi cấp: CA TP.HCM
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: An Giang
- o Địa chỉ thường trú: 390/14 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP.HCM
- o Trình độ học vấn: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân Chính trị - Kinh doanh
- o Quá trình công tác:

- 1990 – 2011 Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang – Giám đốc chi nhánh HCM
- 2016 – nay Công ty CP Tập đoàn Green+ – Phó Tổng giám đốc
- o Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc
- o Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 60.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Ánh Vân	089152000187	0	0%
2	Nguyễn Công Huy	089078000229	0	0%
3	Nguyễn Công Luân	025085959	0	0%
4	Nguyễn Kiều Trinh	089183000624	0	0%
5	Nguyễn Kiều Anh	024472828	0	0%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:



Năm	Thu lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	0	300	25	-	-	-
2020	0	300	25	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Ông Nguyễn Quốc Việt – Kế toán trưởng**

- Họ tên: Nguyễn Quốc Việt
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/08/1979
- Số CCCD: 023506666 ngày cấp 24/08/2007 Nơi cấp: CA TTP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: TK5/35 Trần Hưng Đạo, P. Cầu kho, Q.1, TP.HCM
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 2018 – nay                    Công ty CP Tập đoàn Green+ - Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 9.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 9.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03%

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tứ Hải	370050130	0	0%
2	Lê Thị Việt Nữ	023506665	0	0%
3	Nguyễn Quốc Hưng	091077000105	0	0%
4	Nguyễn Quốc Cường	023590431	0	0%
5	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	079185016946	0	0%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	0	156	13			
2020	0	156	13			

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

## 3.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Trần Công Lộc	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên Ban kiểm soát

## ❖ Ông Hàng Nhật Quang

- Họ tên: Hàng Nhật Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/6/1983
- Số CCCD: 025620686 ngày cấp 8/6/2012 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tam Kỳ, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 237/32/81 Phạm Văn Chiêu, F14, Q. Gò Vấp TP.HCM
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 2006 – 2017 Chuyên viên trường ĐH Kinh tế TP.HCM
  - 2018 – 2020 Giảng viên trường ĐH Nguyễn Tất Thành, Phó Tổng Giám đốc Học viện Khởi nghiệp Thành Công, Phó Tổng thư ký CLB Các nhà Kinh tế (VEC).
  - 2020 đến nay Giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Văn Lang, Phó Tổng Giám đốc Học viện Khởi nghiệp Thành Công, Phó Tổng thư ký CLB Các nhà Kinh tế (VEC)
  - 03/2021 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Văn Lang.
- Phó Tổng Giám đốc Học viện Khởi nghiệp Thành Công
- Phó Tổng thư ký CLB Các nhà Kinh tế (VEC)
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Hàng Lang Nguyễn	205727554	0	0%
2	Trần Thị Thu Hà	205727553	0	0%
3	Trần Thị Thanh Thu	025620687	0	0%
4	Trần Thanh Phin	212115722	0	0%
5	Phan Thị Xuân Lan	210737088	0	0%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	0	0	-	-	-	-
2020	0	0	-	-	-	-

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Ông Trần Công Lộc – Thành viên Ban kiểm soát kiêm Giám đốc Chi nhánh HCM**

- o Họ tên: Trần Công Lộc
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 27/01/1992
- o Số CCCD: 191747288 ngày cấp 14/06/2007 Nơi cấp: CA T.T. Huế
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Thừa Thiên Huế
- o Địa chỉ thường trú: Thanh Mỹ, Phú Điện, Phú Vang, Thừa Thiên Huế
- o Trình độ học vấn: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- o Quá trình công tác:
  - 2015 – 2017 Công ty CP Đầu tư Căn nhà mơ ước – Nhân viên
  - 2017 – nay Công ty CP Tập đoàn Green+ – Giám đốc chi nhánh HCM
  - 2018 – nay Công ty CP Tập đoàn Green+ – Thành viên Ban kiểm soát kiêm Giám đốc chi nhánh HCM
- o Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Giám đốc chi nhánh HCM

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 12.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Cơ	190423869	0	0%
2	Trần Thị Mai	190324855	0	0%
3	Trần Thị Bích	191702948	0	0%
4	Trần Khoa	190423926	0	0%
5	Huỳnh Thị Hương	190279818	0	0%
6	Trần Thị Bé Viết	191524942	0	0%
7	Trần Thị Mộng Thu	191384382	0	0%
8	Trần Thị Mỹ Ny	192046228	0	0%
9	Trần Công Phi	192051092	0	0%
10	Trần Thành	191557695	0	0%
11	Lê Thanh Trung	191359771	0	0%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	5	168	14	-	-	-
2020	15	168	14	-	-	-

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Ông Nguyễn Minh Cường**

- o Họ tên: Nguyễn Minh Cường
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 10/04/1989
- o Số CCCD: 079089011274 ngày cấp 18/10/2018 Nơi cấp: CCS ĐKQLCT và DLQGVDC
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: TP.HCM
- o Địa chỉ thường trú: 719/28/5 Huỳnh Tấn Phát, Phú Thuận, Quận 7, HCM
- o Trình độ học vấn: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Kế toán
- o Quá trình công tác:
  - 2010-2014 Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại phòng cảnh sát PCCC quận 4
  - 2015-2016 Cty Cp Tri Thức Doanh Nghiệp Quốc Tế - Kế toán
  - 2017-nay CTY CP Tập Đoàn Green+- Thủ kho
  - 03/2021-nay CTY CP Tập Đoàn Green+- Thành viên Ban Kiểm soát
- o Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Thủ kho

- o Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- o Số cổ phần bản thân đang nắm giữ tại ngày 01/05/2021: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%. Trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Số cổ phần của những người có liên quan tại ngày 01/05/2021: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- o Thông tin về người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Quen	021143348	0	0%
2	Hồ Thị Lan	024410089	0	0%
3	Đỗ Thị Quế	079187019031	0	0%

- o Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	Khác
2019	-	72	6	-	-	-
2020	-	72	6	-	-	-

- o Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- o Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có



**VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phần phổ thông

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phần

**3. Tổng số cổ phiếu chào bán**

- Số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng: 9.600.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu chào bán của cổ đông: Không có.

**4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**

96.000.000.000 đồng

**5. Giá chào bán dự kiến**

16.000 đồng / cổ phiếu

**6. Phương pháp tính giá**

Giá phát hành dự kiến: 16.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 11.485 đồng/cổ phần

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên Công ty chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với giá 16.000 đồng/cổ phiếu.

**7. Phương thức phân phối**

Phân phối thông qua đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC).

**8. Đăng ký mua cổ phiếu**

**Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:** Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

**Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:** Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

**Phương thức thanh toán:** Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

Địa điểm nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu: theo thông báo tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

**9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu**

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2021 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Sau khi nhận giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN, Hội đồng quản trị Công ty sẽ làm việc với Tổ chức tư vấn để thực hiện việc chào bán. Lịch trình chào bán cổ phiếu phát hành ra công chúng sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

**Bảng 41. Lịch trình chào bán cổ phiếu phát hành ra công chúng**

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2	Công ty thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+3
3	Triển khai công tác chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	T+1 đến T+20
4	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T+1 đến T+20
5	Thông báo kết quả đặt mua cho NĐT	T+23
6	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	T+24 đến T+25
7	Hoàn trả tiền cho NĐT trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	T+26 đến T+29

*(Trong đó, ngày T là ngày theo lịch, không phải ngày làm việc)*

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu Công ty dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho nhà đầu tư; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

#### 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây**

Số tài khoản: 1020472254

Địa chỉ: 129 Đường Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền): Không có
13. **Hủy bỏ đợt chào bán**
- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn;
  - Thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư: Trong trường hợp Ủy ban chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ;
14. **Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 0%.
  - Việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng lần này của Công ty chỉ chào bán cho đối tượng là Nhà Đầu tư trong nước, do đó sẽ đảm bảo giới hạn tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phiếu tại Công ty là 0%. Công ty cam kết luôn tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.
15. **Các loại thuế có liên quan**
- 15.1. **Đối với Công ty**
- ❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
    - Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.
  - ❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

## 15.2. Đối với nhà đầu tư

### ❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

#### *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

#### *Thu nhập từ cổ tức:*

- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

### ❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

#### *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

#### *Thu nhập từ cổ tức:*

- ✓ Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

## 16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết:

- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục các thủ tục cần thiết để hoàn thiện đăng ký chứng khoán và niêm yết cổ phiếu phát hành thành công.

301  
CỔ  
PH  
G  
07

**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Công ty phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nhằm huy động vốn để mở rộng hệ thống nhà thuốc bán các mặt hàng mang thương hiệu Green+.

**IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng là **153.600.000.000 đồng** được cân nhắc sử dụng cho các mục đích sau:

STT	Mục đích	Kế hoạch sử dụng vốn
1	Chi phí mua bất động sản và sang nhượng nhà thuốc, dự kiến mở mới 20 nhà thuốc (trong kế hoạch mở chuỗi 250 nhà thuốc Green+).	80.000.000.000 đồng
2	Chi phí thuê nhân viên và vận hành.	17.600.000.000 đồng
3	Chi phí nhập hàng Green+ từ Nhật Bản để bán tại các nhà thuốc mở mới nêu trên.	56.000.000.000 đồng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>153.600.000.000 đồng</b>

Hội đồng quản trị được ủy quyền để điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi và xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty tại thời điểm phát hành và báo cáo ĐHCĐ gần nhất.

**X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN****1. Đơn vị kiểm toán****CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252

**2. Tổ chức tư vấn và Đại lý phân phối****Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

Trụ sở chính : Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3823 3299/(028) 3829 3826 Fax: (028) 3823 3301

Website : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

CN Hà Nội: Tầng 2, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3933 4693

Fax: (024) 3933 4822

---

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

987  
+ T  
HÀ  
OÀ  
SE  
NH

**XII. PHỤ LỤC**

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/2021/GREEN+/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2021 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;

Phụ lục III: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/2021/GREEN+/NQ-HĐQT ngày 05/04/2021 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu;

Phụ lục IV: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 37/2021/GREEN+/NQ-HĐQT ngày 01/12/2021 về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Phụ lục V: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/2021/GREEN+/NQ-HĐQT ngày 21/04/2021 thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu ra công chúng đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Phụ lục VI: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Green+;

Phụ lục VII: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và 6 tháng năm 2021.

Phụ lục VIII: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2021.



**XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2022*

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN+**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**ĐẶNG ĐỨC THÀNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Bich Hong".

**ĐẶNG BÍCH HỒNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Quoc Viet".

**NGUYỄN QUỐC VIỆT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2022

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



**PHAM NGOC BICH**